



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐẢ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5500155321 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp đăng ký thay đổi lần 02 ngày 13/07/2012)



### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

### SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: 354/GCN-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày 13 tháng 9 năm 2012)

#### BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

❖ **Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La**

Địa chỉ : Km 34, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La  
Điện thoại : (84-22) 3843 274  
Fax: (84-22) 3843 476  
Email : [slsmiaduongsonla@gmail.com](mailto:slsmiaduongsonla@gmail.com)  
Website : [www.sls.thv.vn](http://www.sls.thv.vn)

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội**

- Trụ sở chính : Tầng 1&3 Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại : (84-4) 3818 1688 Fax: (84-4) 3818 1888
- Chi nhánh Đà Nẵng: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại : (84-511) 352 5777 Fax: (84-511) 352 5779
- Chi nhánh TP HCM: 41 Pasteur, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84-8) 3915 1368 Fax: (84-8) 3915 1369

❖ **PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

- Họ tên : Ông Trần Văn Thành Chức vụ: Tổng giám đốc
- Điện thoại : (84-22) 384 3274 Fax: (84-22) 384 3476

Sơn La, tháng 8/2012



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2403000172 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp đăng ký lần đầu ngày 20/02/2008, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 02/12/2009)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La  
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông  
Mệnh giá : 10.000 đồng  
Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết : 6.800.000 cổ phiếu  
Tổng giá trị niêm yết : 68.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

#### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



#### CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 17, lô 2C, Khu đô thị Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37832121 Fax: (04) 37832122

Website: [www.cpavietnam.vn](http://www.cpavietnam.vn)

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biên cơ hội thành giá trị

##### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 1&3 Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3818 1688 Fax: (84-4) 3818 1888

Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

##### Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: 141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3915 1368 Fax: (08) 3915 1369

##### Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 352 5777 Fax: (0511) 352 5779



## MỤC LỤC

1. RỦI RO KINH TẾ .....	5
2. RỦI RO LUẬT PHÁP .....	7
3. RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH.....	8
4. RỦI RO KHÁC .....	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	10
1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....	10
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT .....	10
III. CÁC KHÁI NIỆM .....	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	12
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN .....	12
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	12
1.2. Giới thiệu Công ty.....	15
2. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY .....	17
3. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY .....	18
4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẪM GIỮ; CƠ CẤU CỔ ĐÔNG.....	22
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 01/07/2011 .....	24
5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY, NHỮNG CÔNG TY MÀ CÔNG TY ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....	25
6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	25
6.1. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.....	25
6.3. Nguyên vật liệu .....	31
6.4. Chi phí sản xuất.....	37
6.5. Trình độ công nghệ.....	38
6.6. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.....	44
6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	45
6.9. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ.....	47
6.10 Các hợp đồng lớn .....	47
7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM GẦN NHẤT .....	49
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm năm 2009, 2010, 2011 và 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty.....	49
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011 ....	50
8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH .....	51
8.1 Vị thế của Công ty trong ngành.....	51



8.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	52
8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành.....	55
9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG .....	55
9.1. Số lượng người lao động trong Công ty .....	55
9.2. Chính sách đối với người lao động .....	56
10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....	58
11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	58
11.1.Các chỉ tiêu cơ bản .....	58
11.2.Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	63
12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC .....	64
12.1.Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	64
12.2.Danh sách thành viên Ban Kiểm soát .....	70
12.3.Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.....	73
13. TÀI SẢN.....	77
13.1. Giá trị tài sản cố định.....	77
13.2.Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng.....	78
14. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM TIẾP THEO.....	79
15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	80
16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY.....	81
17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN .....	81
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....	81
1. LOẠI CHỨNG KHOÁN .....	81
2. MỆNH GIÁ .....	81
3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....	81
4. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOẶC CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	81
5. XẾP HẠNG TÍN NHIỆM.....	82
6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ.....	82
7. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.....	84
8. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN .....	84
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....	86
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT .....	86
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	86
VII. PHỤ LỤC.....	86

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

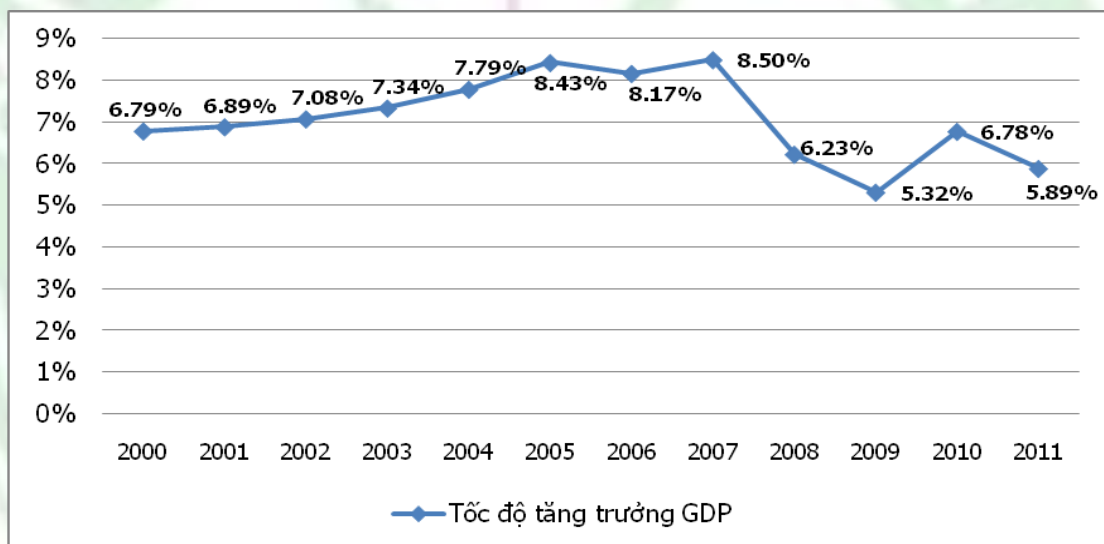
### 1. RỦI RO KINH TẾ

#### 📌 *Tăng trưởng kinh tế:*

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm 2003 đạt 7,3%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 đạt 8,17%, năm 2007 đạt 8,48%. Tuy nhiên khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác của nước ta, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2008 chỉ đạt 6,18% và con số này trong năm 2009 và 2010 sau nhiều nỗ lực phục hồi nền kinh tế của Chính phủ cũng tương ứng chỉ là 5,32% và 6,78%.

**Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Bước sang năm 2011, tình hình trong nước và quốc tế xuất hiện nhiều khó khăn và thách thức mới. Kinh tế thế giới có những diễn biến phức tạp: Tăng trưởng kinh tế chậm lại; giá nguyên vật liệu cơ bản trên thị trường quốc tế tiếp tục tăng cao; thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh; nợ công châu Âu lan rộng; kinh tế Nhật Bản trì trệ sau thảm họa kép; lạm phát toàn cầu và các nước trong khu vực tăng cao. Trong nước, nền kinh tế tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn hơn so với dự báo cuối năm 2010. Tăng trưởng kinh tế năm 2011 đã chậm lại (chỉ đạt 5,89%, thấp hơn chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng năm 2011 đã được Quốc hội thông qua là 7 – 7,5%); lạm phát tiếp tục tăng cao; mặt bằng lãi suất cao; tỷ giá biến động bất thường. Những bất ổn kinh tế vĩ mô đã trở thành thách thức lớn đối với nền kinh tế Việt Nam trong năm 2011.

Để tồn tại và phát triển trong điều kiện kinh tế khó khăn như năm 2011, Công ty luôn chủ



động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển vươn lên. Với sự nỗ lực vượt bậc, năm 2011 Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đặt ra, trong đó lợi nhuận sau thuế tăng 36% so với năm 2010 và vượt kế hoạch đề ra.

Bước sang năm 2012, kinh tế Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức do nền kinh tế thế giới phục hồi chậm, khủng hoảng nợ công kéo dài ở khu vực châu Âu, thâm hụt ngân sách ở các nước phát triển... Ở trong nước, kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, lạm phát, lãi suất đang còn ở mức cao ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất đời sống của nhân dân. Hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp rất nhiều khó khăn do thiếu vốn, sức mua trong nước giảm... , GDP 6 tháng đầu năm 2012 chỉ đạt 4,38%, là mức thấp so với cùng kỳ các năm trước do nhiều ngành, lĩnh vực gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. Với những diễn biến về kinh tế thế giới và trong nước thời gian qua và triển vọng sắp tới, có thể thấy áp lực rất lớn để Việt Nam đạt được những mục tiêu kinh tế vĩ mô đã đề ra trong năm 2012 (mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5%). Dự báo trong 6 tháng cuối năm 2012, khó khăn của doanh nghiệp về vốn, thị trường dần dần được tháo gỡ, việc làm và thu nhập của người dân sẽ được cải thiện, sức mua của người dân được tăng lên.

Những khó khăn và bất ổn về kinh tế sẽ ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La trong năm 2012. Công ty luôn xác định rủi ro về tăng trưởng kinh tế là một trong những rủi ro cơ bản đối với không chỉ Công ty mà còn là rủi ro mang tính hệ thống đối với mọi doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Do vậy, Công ty đã tính toán rủi ro này và có định hướng phát triển riêng dựa vào các thị trường tiềm năng và ổn định mà Công ty đang khai thác.

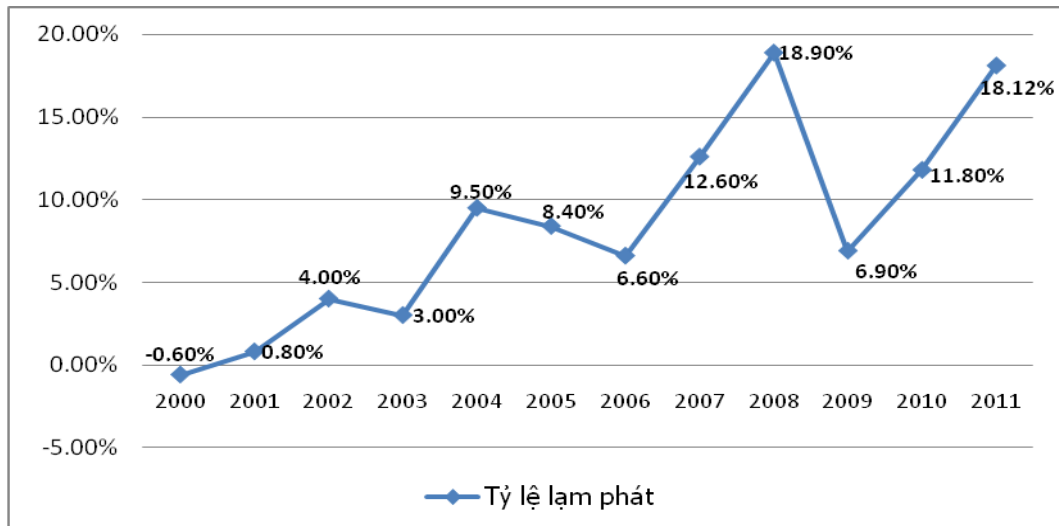
#### **Lạm phát:**

Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây được duy trì ở mức ổn định, song Việt Nam cũng đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tỷ lệ lạm phát đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên tới 18,9%. Năm 2009, nhờ các nỗ lực kiểm soát lạm phát của Chính phủ và Nhà nước, tỷ lệ lạm phát giảm xuống còn 6,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2010 tăng tới 11,8%.

Tính chung trong giai đoạn 2001-2010, lạm phát của Việt Nam đã tăng trung bình trên 8,8%/năm, vượt xa con số của một số quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (2,7%) hay Trung Quốc (2,1%).

Đặc biệt, chỉ số giá tiêu dùng năm 2011 đã tăng tới 18,12% so với tháng 12 năm 2010, vượt xa chỉ tiêu 7% đặt ra từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng mạnh này là do những biến động về giá vàng, tỷ giá USD, lãi suất, nhập siêu cao... đã kéo theo nhiều mặt hàng trong nước tăng giá. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng công nghiệp, lương thực tăng mạnh cũng đã góp phần gây ra tình trạng lạm phát tăng cao gần đây.

Bảng 2: Lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2000-2011



Nguồn: Tổng cục thống kê

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ kéo theo giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, dẫn đến giá thành sản phẩm của Công ty cao, gây khó khăn cho Công ty trong công tác bán hàng và kiểm soát chi phí.

Năm 2012, với mục tiêu chính trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, bước đầu Việt Nam đã đạt được kết quả khả quan. CPI tháng 6/2012 chỉ tăng 2,52% so với tháng 12/2011 và tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2011, đây là cơ sở để điều hành lạm phát mục tiêu năm nay ở mức 7-8%. Tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định. Do đó, rủi ro về lạm phát đối với Công ty trong 2012 không phải là điều đáng lo ngại.

#### ✚ **Lãi suất:**

Do ảnh hưởng từ lạm phát, trong thời gian qua lãi suất ở Việt Nam luôn duy trì ở mức cao. Lãi suất cho vay cao khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn phục vụ sản xuất và làm tăng chi phí cho các doanh nghiệp. Trong năm 2012, lãi suất cho vay đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh theo xu hướng giảm, đồng thời đã áp dụng trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 13%/năm đối với 1 số lĩnh vực ngành nghề, tuy nhiên tình trạng dòng vốn bị tắc nghẽn vẫn đang là vấn đề cấp bách cần giải quyết với cả ngân hàng và các doanh nghiệp. Về phía Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La, tính đến thời điểm 31/12/2011, dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty là 29 tỷ đồng, trong điều kiện mặt bằng lãi suất vay cao như năm 2011, Công ty đã phải trả chi phí lãi vay là 843,9 triệu đồng, điều này đã phần nào làm giảm lợi nhuận của Công ty.. Tuy nhiên, bước sang năm 2012, với chính sách phòng tránh rủi ro lãi suất, đồng thời với dòng tiền khá ổn định, Công ty đã hạn chế sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính đến thời điểm 30/6/2012, Công ty không còn phát sinh dư nợ với ngân hàng, do đó rủi ro về lãi suất không phải là điều đáng lo ngại đối với hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2012.

#### **Tỷ giá:**

Những biến động về tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có nghiệp vụ kinh doanh liên quan đến ngoại tệ (như xuất khẩu sản phẩm, hàng hoá, nhập khẩu nguyên vật liệu...). Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh đường, sản phẩm của Công ty được tiêu thụ ở thị trường trong nước; nguồn nguyên vật liệu của Công ty được cung cấp từ các hộ dân trồng mía trên địa bàn tỉnh Sơn La; hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không phát sinh các giao dịch liên quan đến đồng ngoại tệ, do đó rủi ro về tỷ giá đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không phải là điều đáng lo ngại.


## **2. RỦI RO LUẬT PHÁP**

Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế vì vậy pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn chịu sự quản lý, chi phối của Công ty mẹ, các hiệp hội, ... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Là một công ty đại chúng, Công ty chịu sự chi phối của đồng thời Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Khi thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của các quy định niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chính sự điều chỉnh này sẽ làm cho hoạt động của Công ty ngày càng minh bạch, nâng cao năng lực quản trị công ty. Tuy nhiên, do thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường khá mới mẻ, tính ổn định chưa cao, do đó các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thể sẽ gây lúng túng cho các doanh nghiệp.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu nắm bắt các quy định mới của pháp luật từ đó xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

## **3. RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH**

 **Rủi ro về nguồn nguyên liệu:** Diện tích trồng mía của Việt Nam đã suy giảm trong 03 năm gần đây do yếu thế cạnh tranh với các cây trồng khác. Năm 2007, diện tích trồng mía đạt 310.000 ha nhưng đến năm 2011 chỉ còn 271.000 ha dẫn đến sản lượng mía nguyên liệu giảm từ 17,4 triệu tấn xuống còn 16,4 triệu tấn. Niên vụ mía đường 2010-2011, diện tích cả nước đạt trên 271.000 ha, tăng hơn vụ trước 6.300 ha, tuy nhiên chất lượng nguyên liệu mía lại giảm, tỷ lệ mía/đường bình quân chỉ đạt 10,79 và yếu tố tạp chất cao, điều này làm cho tiêu hao mía/đường lớn. Tổng sản lượng mía tại các nhà máy đường thu mua được là 12,5 triệu tấn, chỉ đáp ứng được 74,8% tổng công suất thiết kế của các nhà máy (niên vụ mía đường 2009-2010 chỉ đạt 61,8% công suất). Trong số hơn 39 nhà máy đường chỉ có một số nhà máy có đủ nguyên liệu, nhiều nhà máy hoạt động dưới 50% công suất, thậm chí có nhà máy chỉ đạt 21% hoặc 15,5% công suất. Trong 3 năm qua, các công ty đã đầu tư nâng tổng công suất từ 86.500 tấn mía/ngày lên 112.000 tấn mía/ngày nhưng diện tích mía, năng suất



và sản lượng mía ngày càng sụt giảm dẫn đến tình trạng khan hiếm nguyên liệu ngày càng tăng.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất đường, tuy nhiên tóm lược lại có một số nguyên nhân chủ yếu sau:

**Thứ nhất:** Do năng suất mía thấp. Năng suất trồng mía đã được cải thiện đáng kể, từ 50 tấn/ha (năm 2000) lên 60,5 tấn/ha (năm 2011), tuy nhiên so sánh với năng suất mía bình quân trên thế giới hiện nay là 70 tấn/ha thì năng suất mía của nước ta là khá thấp. Việc sử dụng giống mía cũ vào canh tác, người trồng mía không được hướng dẫn cụ thể về kỹ thuật canh tác, bệnh dịch, thời tiết xấu hoành hành là nguyên nhân chính dẫn đến năng suất trồng mía thấp và có xu hướng giảm trong các năm qua.

**Thứ hai:** Vùng nguyên liệu mía liên tục bị thu hẹp, người trồng mía dần chuyển hướng chọn các loại cây cho giá trị kinh tế cao khác do chi phí trồng và thu hoạch mía khá cao, cộng với giá mía biến động thất thường đôi khi không đủ bù đắp được tiền công thu hoạch, tạo tâm lý bấp bênh cho người trồng mía, đã có những vụ mùa người trồng mía chỉ bán nhỏ lẻ cho các cơ sở làm mật, đường nhỏ lẻ thủ công thay vì bán cho nhà máy do giá mía quá rẻ.

**Thứ ba:** Nhiều nhà máy đường không tập trung phát triển vùng nguyên liệu. Thực tế cho thấy, phát triển vùng nguyên liệu là cơ sở để phát triển ổn định ngành mía đường cũng như sự thành bại của mỗi doanh nghiệp chế biến đường. Tuy nhiên thực tế ở nước ta mỗi doanh nghiệp làm theo một kiểu. Có doanh nghiệp ứng trước vốn cho nông dân mua giống, phân bón; có doanh nghiệp chỉ hỗ trợ kỹ thuật canh tác; nhiều doanh nghiệp không đầu tư cho nông dân mà đưa ra chính sách mua giá cao, nên khi thu hoạch thì nông dân lại đem bán cho các nhà máy có giá mua cao hơn, gây ra tình trạng các nhà máy ngày càng thờ ơ với việc đầu tư vùng nguyên liệu và hỗ trợ nông dân trồng mía.

Đứng trước thực trạng trên, nhiều chuyên gia kinh tế lo ngại nếu các doanh nghiệp sản xuất đường không hợp tác với nông dân, không tăng giá thu mua mía nguyên liệu lên cao và đầu tư vào vùng nguyên liệu thì trong vài năm tới, Việt Nam sẽ không còn mía để chế biến đường.

- ✚ **Rủi ro về cạnh tranh:** Hiện nay, phần lớn trong số 60 quốc gia sản xuất đường lớn trên thế giới đều có chính sách hạn ngạch thuế quan. Với Việt Nam, những bảo hộ này không còn nhiều. Chỉ riêng hạn ngạch và thuế nhập khẩu, theo lộ trình AFTA, thuế suất đường giảm dần từ 30% năm 2007 xuống còn 5% từ năm 2010. Với việc gia nhập WTO, Việt Nam sẽ phải mở cửa nhập khẩu trong hạn ngạch là 25% với đường thô, ngoài hạn ngạch là 65%, khối lượng nhập khẩu trong hạn ngạch còn tăng 5% mỗi năm. Mới đây nhất, theo thông tư số 29/2011/TT-BTC được Bộ tài chính ban hành ngày 15/04/2011, thuế nhập khẩu ưu đãi đối với sản phẩm đường sẽ giảm mạnh, mặt đường thô chịu mức thuế suất 25% sẽ được giảm xuống còn 15%, đường tinh luyện giảm từ 40% xuống còn 15%, đây là mức thuế nhập khẩu đường áp dụng cho các nước ngoài khu vực ASEAN. Thuế suất thấp giúp cho đường từ nước ngoài có thể tràn vào và cạnh tranh trực tiếp với đường sản xuất trong nước. Do phần lớn các nhà máy đường của Việt Nam đều có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu,



chính sách phát triển vùng nguyên liệu, chính sách hỗ trợ cho người trồng mía chưa rõ ràng nên chi phí sản xuất cao dẫn đến khả năng cạnh tranh thấp. Bên cạnh đó với tình hình hiện tại, các nhà máy đường của Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu về sản lượng trong nước, buộc người tiêu dùng phải tìm đến đường nhập từ nước ngoài, điều này đã tạo điều kiện cho đường nhập khẩu lấn chiếm thị trường tiêu thụ trong nước. Mặt khác, ngoài một lượng lớn đường nhập khẩu qua đường chính ngạch, ngành sản xuất đường tại Việt Nam còn phải đối mặt với đường nhập lậu từ Thái Lan, Trung Quốc... Nếu không có chính sách quản lý và kiểm soát hữu hiệu, đường nhập lậu qua con đường phi pháp sẽ tác động tiêu cực đến sản xuất và tiêu thụ đường trong nước.

#### **4. RỦI RO KHÁC**

Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, dịch bệnh, bão lớn .v.v... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

Ông <b>PHẠM NGỌC THAO</b>	Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
Ông <b>TRẦN VĂN THÀNH</b>	Chức vụ:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
Ông <b>NGUYỄN VĂN DỊCH</b>	Chức vụ:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
Ông <b>ĐINH HỮU TRUNG</b>	Chức vụ:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp, đúng với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT**

Ông <b>VŨ ĐỨC TIẾN</b>	Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
------------------------	----------	--

*(Theo giấy uỷ quyền số 27/2012/UQ-TGD ngày 10/07/2012 của Tổng Giám đốc)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tư vấn soạn thảo trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn các số liệu, ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La cung cấp.



### III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch:

<i>Công ty</i>	:	<i>Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La</i>
<i>DATC</i>	:	<i>Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp</i>
<i>CBCNV</i>	:	<i>Cán bộ công nhân viên</i>
<i>SLS</i>	:	<i>Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La</i>
<i>Tổ chức đăng ký niêm yết</i>	:	<i>Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La</i>
<i>Người có liên quan</i>	:	<i>Gồm những đối tượng được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11</i>
<i>Công ty CP</i>	:	<i>Công ty cổ phần</i>
<i>DHĐCD</i>	:	<i>Đại hội đồng cổ đông</i>
<i>HĐQT</i>	:	<i>Hội đồng quản trị</i>
<i>BGD</i>	:	<i>Ban Giám đốc</i>
<i>BKS</i>	:	<i>Ban kiểm soát</i>
<i>KTT</i>	:	<i>Kế toán trưởng</i>
<i>WTO</i>	:	<i>Tổ chức thương mại thế giới</i>
<i>AFTA</i>	:	<i>Khu vực mậu dịch tự do ASEAN</i>



## **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

### **1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

#### **1.1. Lịch sử hình thành và phát triển**

- Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La tiền thân là Nhà máy Đường Sơn La trực thuộc Nông trường quốc doanh Tô Hiệu Sơn La quản lý, được khởi công xây dựng ngày 16/9/1995.
- Ngày 22/4/1996 Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 558/QĐ-UB về việc thành lập Công ty Mía đường Sơn La trên cơ sở chuyển giao nhiệm vụ xây dựng Nhà máy đường của Nông trường Quốc doanh Tô Hiệu. Theo đó, Nhà máy đường Sơn La được đổi tên thành Công ty Mía đường Sơn La.
- Ngày 12/8/1997 Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 50/QĐ-DNNN về việc quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Mía đường Sơn La trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.
- Trong suốt giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2006 tình hình hoạt động sản xuất của Công ty kém hiệu quả có chiều hướng đi xuống và có nhiều khả năng phải phá sản.
- Để tháo gỡ khó khăn cho Công ty Mía đường Sơn La, ngày 01/10/2006 Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã chủ trì cuộc họp cùng với các ban, ngành chức năng làm việc với Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp – Bộ Tài chính (DATC) để tìm ra các biện pháp giải quyết, hỗ trợ cho Công ty Mía đường Sơn La đủ điều kiện để chuyển đổi thành công ty cổ phần. Tại cuộc họp này, các bên đã thống nhất phương án xử lý tài chính cho Công ty Mía đường Sơn La thông qua việc DATC thực hiện mua lại các khoản nợ tồn đọng của Công ty nhằm tái cơ cấu lại toàn bộ hoạt động và tình hình tài chính của doanh nghiệp để chuyển đổi Công ty Mía đường Sơn La thành công ty cổ phần. Theo đó, ngày 09/10/2006 Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã gửi Công văn số 2226/UBND-KTN trình Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo.
- Trên cơ sở các ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, ngày 04/4/2007 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công văn số 419/TTg-NN về việc sắp xếp, đổi mới Công ty Mía đường Sơn La, trong đó nêu rõ “Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La chủ trì phối hợp với Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp và các đơn vị liên quan thực hiện tái cơ cấu tài chính Công ty Mía đường Sơn La, chuyển thành Công ty Cổ phần”.
- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, DATC đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành của tỉnh Sơn La và Công ty Mía đường Sơn La khẩn trương thực hiện triển khai hoàn thành phương án cơ cấu tài chính và chuyển đổi Công ty Mía đường Sơn La thành công ty cổ phần.
- Việc thực hiện phương án này giúp cho Công ty mía đường Sơn La không phải phá sản, thoát khỏi tình trạng khó khăn, bế tắc về tài chính để phục hồi sản xuất kinh doanh, giải quyết công ăn việc làm cho gần 400 công nhân lao động và hàng vạn nông dân vùng mía nguyên liệu của tỉnh Sơn La. Đến ngày 26/11/2007 Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La



đã ban hành Quyết định số 2761/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cơ cấu tài chính và chuyển đổi sở hữu Công ty Mía đường Sơn La từ công ty 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần.

- Ngày 28/01/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân – Trưởng Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Sơn La đã có văn bản số 220/UBND-KTTH về việc ủy quyền cho Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp chủ trì triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
- Thực hiện ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ngày 01/02/2008, Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La thành công. Công ty Mía đường Sơn La đã chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần Mía đường Sơn La theo giấy đăng ký hoạt động kinh doanh số 2403000172 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp đăng ký lần đầu ngày 20/02/2008.
- Việc chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là bước ngoặt lớn cho sự phát triển đi lên của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La. Với sự sắp xếp lại tổ chức lao động, kết hợp với việc đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, cải tiến năng suất dây chuyền chế biến đường, từ một công ty kinh doanh thua lỗ triền miên đã trở thành một doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả. Sau 2 niên vụ sản xuất 2007-2008 và 2008-2009 Công ty đã trả hết nợ trước thời hạn 3 năm so với phương án tái cơ cấu của DATC, đời sống cán bộ công nhân lao động được nâng cao. Lợi nhuận của Công ty tăng trưởng liên tục qua các năm, niên vụ 2007-2008 lợi nhuận của Công ty đạt gần 6 tỷ đồng, niên vụ 2008-2009 lợi nhuận xấp xỉ 10 tỷ đồng, niên vụ 2010-2011 vừa kết thúc lợi nhuận đạt khoảng 42 tỷ đồng. Với khả năng và tiềm lực ngày càng phát triển, Công ty xây dựng chiến lược phát triển và dành sự quan tâm đặc biệt đến việc đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía, nâng cấp dây chuyền thiết bị công nghệ tiên tiến nhằm củng cố vững thị phần kinh doanh chính đồng thời mở rộng thêm nhiều lĩnh vực kinh doanh khác như chế biến nông sản, kinh doanh xăng dầu... nhằm tăng thêm nguồn thu cho Công ty.

### **CÁC THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÁC NĂM QUA**

1. Năm 2010 Công ty vinh dự đạt giải thưởng hiệu xanh bền vững do Ban tổ chức chương trình bình chọn Thương hiệu Xanh (Ban tổ chức gồm Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam; Trung tâm nghiên cứu giáo dục môi trường và phát triển; Tạp chí thương hiệu Việt).
2. Năm 2010 Công ty đạt giải thưởng toàn quốc “Vì sự phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn” lần thứ nhất năm 2010 do Ban tổ chức gồm Hội nông dân Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, Hội nước sạch và môi trường Việt Nam, Tạp chí văn hiến Việt Nam bầu chọn.
3. Bốn năm liền Đảng bộ Công ty đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.
4. Ba năm liền đạt danh hiệu đơn vị văn hóa.

5. Ngoài ra, Công ty còn được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Liên đoàn lao động tỉnh Sơn La tặng nhiều bằng khen trong phong trào sản xuất kinh doanh.
6. Tháng 7/2012 Công ty đã được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng Huân chương lao động hạng 3.



**Ông Phạm Ngọc Thao – Chủ tịch HĐQT Công ty nhận giải thưởng “Thương hiệu Xanh bền vững”**



**Giải thưởng  
“Thương hiệu Xanh  
bền vững”**



**Giải thưởng “Vì sự  
nghiệp phát triển  
nông nghiệp, nông  
dân, nông thôn”**



**1.2. Giới thiệu Công ty**

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**  
Tên viết tắt : **SLS**  
Tên Tiếng Anh : **SƠN LA SUGAR JOINT STOCK COMPANY**

Biểu tượng của Công ty :



Trụ sở : **Km 34, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La**  
Điện thoại : **(022) 3843 274**  
Fax : **(022) 3843 476**  
Email : **slsmiaduongsonla@gmail.com**  
Website : **www.sls.thv.vn**

Giấy CNĐKKD : **Đăng ký lần đầu theo số 2403000172 ngày 20/02/2008, đăng ký thay đổi lần 2 theo số 5500155321 ngày 13/07/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.**

Vốn điều lệ : **68.000.000.000 đồng (Sáu mươi tám tỷ đồng)**

Số lượng cổ phiếu lưu hành : **6.800.000 cổ phiếu**

Người đại diện theo pháp luật : **Ông Trần Văn Thành – Chức vụ: Tổng giám đốc**



**Trụ sở chính của Công ty**



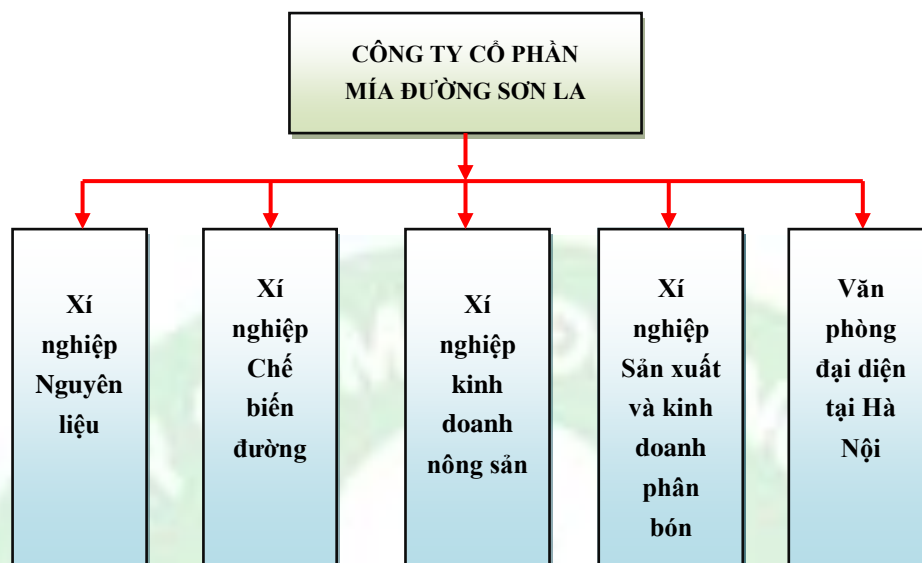
**Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Công nghiệp đường; Chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường;
- Sản xuất cồn, nha và nước uống có cồn;
- Nước uống không có cồn;
- Chế biến và kinh doanh các sản phẩm nông sản;
- Chế biến và kinh doanh thức ăn gia súc;
- Dịch vụ vận tải;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm;
- Chăn nuôi bò sữa;
- Chế biến sữa, bò thịt;
- Chế biến, kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Kinh doanh thương mại; Cung ứng vật tư nguyên liệu;
- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê kho, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn phân bón thuốc trừ sâu và hóa chất khác;



## 2. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



### ✚ XÍ NGHIỆP NGUYÊN LIỆU

Có nhiệm vụ phát triển vùng nguyên liệu gồm: công tác quy hoạch, phân vùng, cơ cấu giống để đảm bảo năng suất, chất lượng mía. Thường xuyên kiểm tra xem xét các địa bàn trồng mía để có báo cáo cụ thể như: Diện tích, loại giống, sinh trưởng, sâu bệnh, cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, ước sản lượng.

Lập kế hoạch chặt mía, giao nhập, kế hoạch vận chuyển mía về Công ty và phối hợp với Xí nghiệp chế biến đường để có kế hoạch chế biến mía cây phù hợp với điều kiện thời tiết và đảm bảo công suất phù hợp với dây chuyền chế biến đường.

Khảo sát quy hoạch diện tích, có kế hoạch trồng mới cùng với các xã, hợp tác xã, huyện để có kế hoạch đầu tư phát triển năm sau.

Thí điểm và nhân nhanh các giống mới có năng suất cao, chịu hạn tốt, trữ đường cao, để đưa vào sản xuất đại trà.

Địa chỉ: Km 34, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

### ✚ XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN ĐƯỜNG

Gồm 6 tổ sản xuất theo một dây chuyền nhất định. Cụ thể: Bộ phận cầu mía nhận mía từ trên các xe vận chuyển mía về nhà máy cầu mía xuống sân chờ hoặc đưa mía thẳng vào băng tải cán ép để ép thành nước mía hỗn hợp; từ nước mía hỗn hợp được bơm sang công đoạn làm sạch nước mía; nước mía làm sạch qua lọc, hệ thống gia nhiệt bốc hơi rồi được đưa lên hệ thống nồi nấu; sau đó xuống trợ tinh- ly tâm và cuối cùng là phân loại, đóng gói Đường thành phẩm.

Tổ hoạt động đồng hành hỗ trợ phục vụ cho quá trình sản xuất chế biến đường thành phẩm là tổ động lực phải cung cấp đủ điện, hơi, nhiệt, nước cho dây chuyền sản xuất.



Địa chỉ: Km 34, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

#### **✚ XÍ NGHIỆP KINH DOANH NÔNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI**

Xí nghiệp chịu sự chỉ đạo, điều hành của Công ty về các hoạt động, sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp gồm:

Tổ chức thu mua, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản và kinh doanh các mặt hàng vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, các loại hàng hóa sản phẩm thuộc các ngành hàng trong phạm vi giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc phân công.

Địa chỉ: Km 34, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

#### **✚ XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH PHÂN BÓN**

Xí nghiệp sử dụng các sản phẩm phụ sau chế biến đường như bùn, bã mía, tro của đốt lò ủ men vi sinh sau đó trộn với một số loại phân hữu cơ để chế biến thành phân vi sinh, một loại phân đặc biệt thích hợp bón cho cây mía và cải tạo đất bị thoái hoá.

Địa chỉ: Km 34, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

#### **✚ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI**

Có trách nhiệm tìm hiểu thị trường, quảng bá sản phẩm của Công ty. Giao dịch, tiếp cận thị trường, quan hệ chặt chẽ với các đối tác, bạn hàng, nắm bắt giá cả thị trường nhanh nhất, chính xác nhất để tiêu thụ sản phẩm và mua sắm vật tư hàng hoá phục vụ cho sản xuất của Công ty.

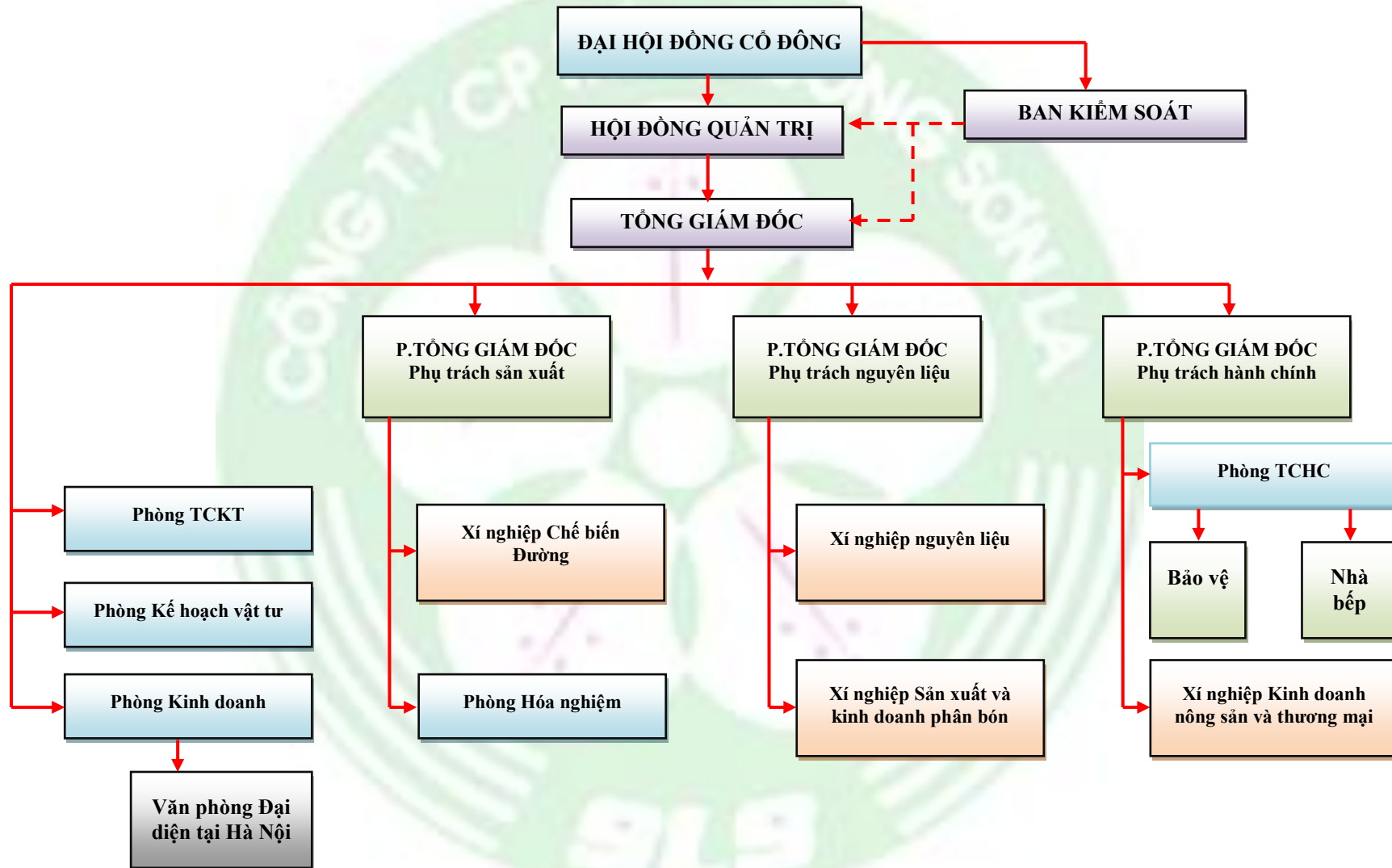
Địa chỉ: 67 Sơn Tây, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

### **3. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp năm 2005, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY





### ❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty,...

### ❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty gồm có năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty gồm:

- Ông Phạm Ngọc Thao	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Trần Văn Thành	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Anh Tú	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Cổ Trí Dũng	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Bà Trần Thị Thái	Ủy viên Hội đồng quản trị

### ❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty gồm ba (03) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:

- Ông Đinh Hữu Trung	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Kim Vân	Ủy viên ban kiểm soát
- Ông Đào Viết Tuấn Dũng	Ủy viên ban kiểm soát

### ❖ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

**Tổng Giám đốc:** Là người có quyền cao nhất trong tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh và dịch vụ, chịu trách nhiệm về kết quả của sự điều hành đó. Ký kết các văn bản pháp quy về kinh tế (bao gồm quản lý và sử dụng đất đai, tài sản, thu nộp ngân sách, các hợp đồng kinh tế với khách hàng. Có quyền quyết định tổ chức bộ máy quản lý và tuyển chọn các chuyên gia giỏi làm cán bộ giúp việc. Có quyền đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn



nhiệm, nâng lương các phó Tổng Giám đốc và kế toán trưởng, trưởng các phòng, giám đốc các xí nghiệp. Trực tiếp quyết định bổ nhiệm, cách chức, điều động, tuyển dụng, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công nhân viên thuộc Công ty quản lý từ cấp phó phòng, phó giám đốc xí nghiệp trở xuống.

**Các Phó Tổng giám đốc:** Là những người trực tiếp giúp việc cho Tổng Giám đốc do Tổng Giám đốc phân công và điều hành một hoặc một số lĩnh vực công tác cụ thể của Công ty, được Tổng giám đốc giao thay Tổng giám đốc giải quyết một số nhiệm vụ cụ thể và một số công việc khác khi Tổng giám đốc đi vắng, cụ thể:

- 01 Phó Tổng giám đốc phụ trách Công tác tổ chức hành chính; Quản lý phòng TCHC; Xí nghiệp kinh doanh nông sản và thương mại.
- 01 Phó Tổng giám đốc phụ trách công tác nguyên liệu mía; Quản lý Xí nghiệp nguyên liệu; Xí nghiệp sản xuất và kinh doanh Phân bón.
- 01 Phó Tổng giám đốc phụ trách công tác sản xuất chế biến, chất lượng sản phẩm đường; Quản lý xí nghiệp Chế biến đường, Phòng Hóa nghiệm.

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty gồm:

- |                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| - Ông Trần Văn Thành | Tổng Giám đốc     |
| - Ông Nguyễn Văn Sở  | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Lê Quang Nhựt  | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Đặng Xuân Phúc | Phó Tổng Giám đốc |

#### ❖ Các phòng ban chức năng

Các phòng, ban chuyên môn giúp việc, xí nghiệp sản xuất do Tổng giám đốc đề nghị, Hội đồng quản trị quyết định thành lập hoặc giải thể khi thấy cần thiết.

#### (1) Phòng Tổ chức hành chính

Có chức năng tham mưu giúp Tổng giám đốc tổng hợp tình hình hoạt động của các phòng, ban, phân xưởng trong Công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất hàng năm, đôn đốc các phòng ban thực hiện Nghị quyết của HĐQT, các quyết định điều hành của Tổng Giám đốc;

Có chức năng tổ chức quản lý hành chính, văn thư, lưu trữ... của Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về công tác nhân sự, hành chính, thi đua, khen thưởng, kỷ luật. Quản lý tài liệu lưu trữ, trang thiết bị văn phòng. Đảm bảo hoạt động của Công ty được thuận lợi, an toàn. Tổ chức quản lý và đảm bảo thực hiện công tác pháp chế cho Công ty.

Nghiên cứu xây dựng phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh và công tác cán bộ và thực hiện các chính sách chế độ đối với cán bộ công nhân viên lao động. Giúp Tổng Giám đốc xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương, xây dựng các phương án khoán, quy chế trả lương trong Công ty phù hợp với tình hình thực tế và chính sách lao động tiền lương của Nhà nước.

#### (2) Phòng Kế hoạch vật tư



Tham mưu giúp Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch, phương án sản xuất dịch vụ trong doanh nghiệp. Theo dõi chỉ đạo kiểm tra đề nắm bắt tiến độ thực hiện kế hoạch hoặc có giải pháp điều chỉnh kế hoạch trong các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các hợp đồng;

Thực hiện nghiệp vụ xuất – nhập vật tư, hàng hoá, cung ứng đầy đủ kịp thời, chính xác những vật tư phục vụ trong quá trình sản xuất;

Ban hành kịp thời các quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảng biểu, sơ đồ, trình tự nguyên tắc vận hành, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật để hướng dẫn tổ chức cho cán bộ công nhân viên lao động trong các phân xưởng học tập, thực hiện nhằm đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị để sản xuất đạt hiệu quả cao;

Có nhiệm vụ thống kê và dự báo thị trường quản lý văn phòng đại diện.

### **(3) Phòng Tài chính kế toán**

Thực hiện giúp Tổng Giám đốc về lĩnh vực tài chính kế toán và pháp lệnh thống kê. Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong các phương án về sản xuất kinh doanh để đạt được hiệu quả kinh tế cao. Phân tích các hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, đề xuất các giải pháp tối ưu để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Quản lý vốn và tài sản của Công ty, lập kế hoạch tài chính thu- chi tháng, quý, năm. Quyết toán các nguồn vốn, thanh toán các khoản chi phí doanh nghiệp.

Chịu trách nhiệm về công tác hạch toán kế toán doanh nghiệp.

Đề xuất, tham mưu cho giám đốc về quản lý tài chính và nghĩa vụ của Công ty đối với nhà nước và người lao động.

### **(4) Phòng Kinh doanh**

Quản lý vận tải hàng hóa. Tham mưu cho Tổng Giám đốc về tiêu thụ các sản phẩm của Công ty như: Đường, mật rỉ, xăng dầu; Quan hệ với các đối tác nhằm tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa.

### **(5) Phòng Hóa nghiệm**

Có nhiệm vụ kiểm soát việc thực hiện các chỉ tiêu công nghệ, các thông số kỹ thuật từ khi mía nguyên liệu đưa vào qua các công đoạn sản xuất cho đến khâu phân loại đường thành phẩm cuối cùng và là đơn vị chịu trách nhiệm về đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm theo qui định của Nhà nước.

## **3. QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN**

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 được tổ chức ngày 26/4/2011 và Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 06/GCN-UBCK ngày 12/01/2012 của Chủ tịch UBCKNN, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 68 tỷ đồng thông qua việc phát hành thêm 1.800.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu, thực hiện theo các giai đoạn sau:



**Giai đoạn 1:** Tăng vốn từ 50 tỷ đồng lên 55 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

- Tổng số cổ phần phát hành: 500.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Thời gian phát hành: Quý 1/2012
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ được nhận 01 cổ phiếu thưởng)
- Nguồn chia thưởng: Nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2010
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ này được giao cho HĐQT bán cho công đoàn Công ty với giá 10.000 đồng/cổ phần. Số tiền thu được sẽ chuyển trả cho cổ đông tại trụ sở của Công ty.

**Giai đoạn 2:** Tăng vốn từ 55 tỷ đồng lên 68 tỷ đồng thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

- Số lượng cổ phần chào bán: 1.300.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Thời gian phát hành: Quý 1/2012
- Đối tượng mua cổ phần: Cổ đông hiện hữu
- Tổng khối lượng vốn huy động: 13.000.000.000 đồng
  - Ngày phát hành: 30/3/2012
  - Ngày bắt đầu chào bán: 13/2/2012
  - Ngày kết thúc chào bán: 30/3/2012
  - Thời hạn đăng ký mua: Từ 13/2/2012-30/3/2012
  - Ngày thanh toán tiền mua cổ phần: Từ 13/2/2012-30/3/2012
- Kết quả của đợt phát hành như sau:

Đối tượng mua cổ phiếu	Giá chào bán (đ/cp)	Số cổ phiếu chào bán	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua	Số lượng cổ phiếu được phân	Số người đăng ký mua	Số người được phân	Số người không được phân	Số cổ phiếu còn lại	Tỷ lệ cổ phiếu phân



				phối		phối	phối		phối
Người lao động trong Công ty									
Cổ đông hiện tại	10.000	1.300.000	1.300.000	1.300.000	271	271	0	0	100%
Cổ đông ngoài Công ty									
<b>Tổng số</b>	<b>10.000</b>	<b>1.300.000</b>	<b>1.300.000</b>	<b>1.300.000</b>	<b>271</b>	<b>271</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>

#### 4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẪM GIỮ; CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

##### 4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 22/08/2012

Tính đến thời điểm ngày 22/08/2012, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	51 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội	3.227.400	32.274.000.000	47,46%
2	Trần Thị Thái	Số 48 Trần Chánh Chiểu, phường 14, Quận 5, TP. HCM	1.865.320	18.653.200.000	27,43%
3	Công ty TNHH Thái Liên	Số 426 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.	1.020.000	10.200.000.000	15,00%
<b>Tổng cộng</b>			<b>6.112.720</b>	<b>61.127.200.000</b>	<b>89,89%</b>

*Nguồn: Sổ cổ đông của SLS chốt ngày 22/08/2012*

##### 4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	51 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.934.000	29.340.000.000	58,68%
2	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	750.000	7.500.000.000	15,00%
3	Công ty Cổ phần Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị	122 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	750.000	7.500.000.000	15,00%
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.434.000</b>	<b>44.340.000.000</b>	<b>88,68%</b>

*(Nguồn: Giấy Đăng ký kinh doanh số 2403000172 cấp ngày 20/02/2008)*

Tính đến thời điểm hiện tại, mọi quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập của Công ty đã được bãi bỏ.





### 4.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty

Tính đến ngày 22/08/2012, cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
<b>I.</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>279</b>	<b>6.800.000</b>	<b>68.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>
	Tổ chức	02	4.247.400	42.474.000.000	62,46%
	Cá nhân	277	2.552.600	25.526.000.000	37,54%
<b>II.</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
	Tổ chức	0	0	0	0,00%
	Cá nhân	0	0	0	0,00%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>279</b>	<b>6.800.000</b>	<b>68.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: Sổ cổ đông của SLS chốt ngày 22/08/2012

### 5. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY, NHỮNG CÔNG TY MÀ CÔNG TY ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

#### 5.1. Danh sách Công ty mẹ và các công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

Không có

#### 5.2. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối

Không có.

### 6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 6.1. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty

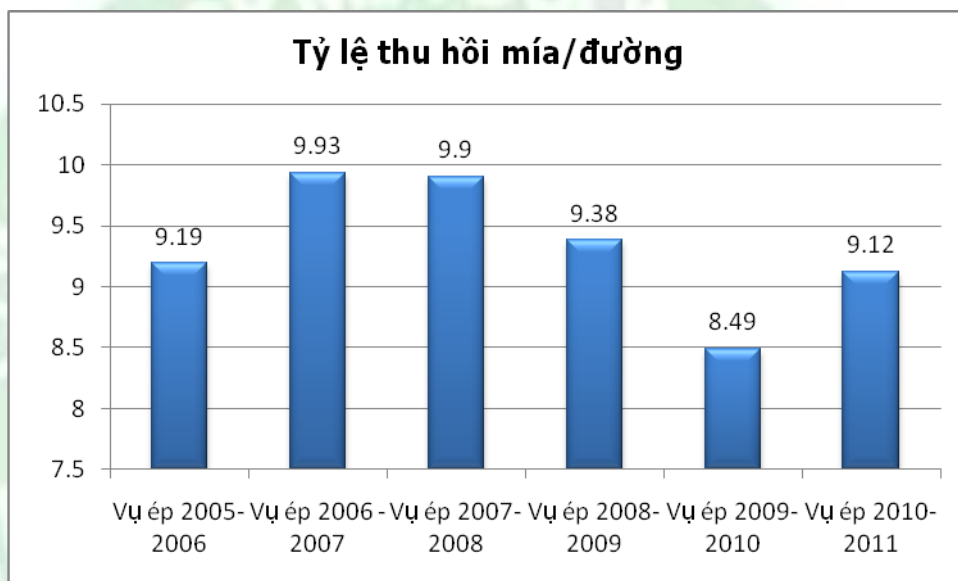
Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty gồm: Chế biến và kinh doanh đường, các sản phẩm sau đường (mật rỉ), sản xuất và kinh doanh phân bón, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh nông sản.

##### a. Chế biến và kinh doanh đường

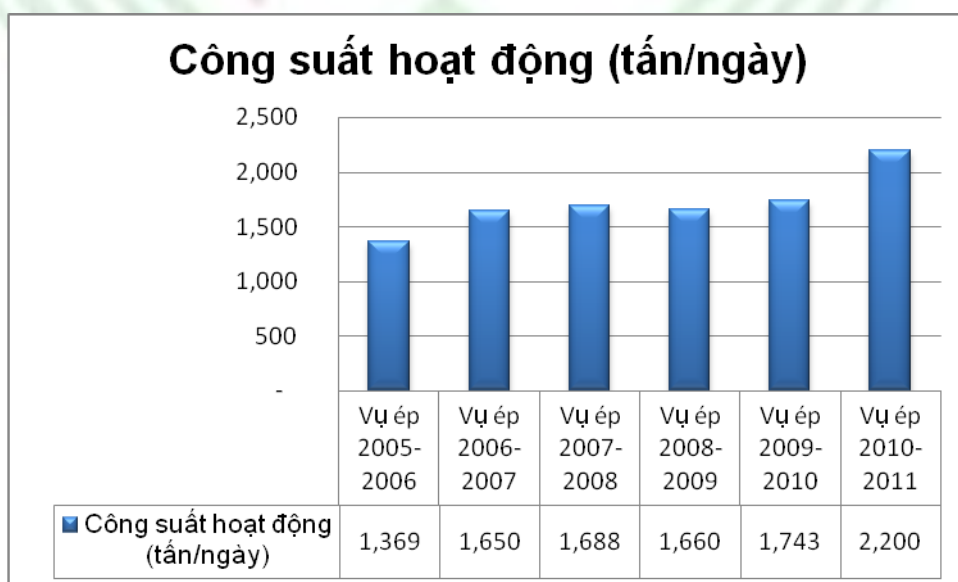
Đây là hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lợi nhuận của Công ty (thông thường khoảng 88% tổng lợi nhuận). Sản phẩm chủ yếu của Công ty là đường A1, A2, B, C và mật rỉ được phân phối trực tiếp phần lớn cho các công ty sản xuất bánh kẹo hoặc kinh doanh thương mại như Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu, Công ty Thực phẩm miền Bắc, Công ty TNHH Kim Hà Việt, Công ty Bò sữa Mộc Châu hoặc thông qua các đại lý lớn tại Sơn La, Lai Châu, Điện Biên...trong đó thị trường Hà Nội chiếm 75% sản lượng tiêu thụ của Công ty.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất, Công ty đã tập trung đầu tư bổ sung, nâng cấp cho dây chuyền sản xuất đường nên đã mang lại hiệu quả tích cực, tăng chất lượng đường (độ trắng

đồng đều) và tăng hiệu suất thu hồi toàn dây chuyên, tỷ lệ thu hồi mía/đường đã giảm từ 9,99 (niên vụ 2007-2008) xuống còn 9,38 (niên vụ 2008-2009) đặc biệt tỷ lệ này ở niên vụ 2009-2010 đã đạt mức kỷ lục 8,49 kg mía được 1 kg đường, niên vụ mía đường 2010-2011, tỷ lệ này là 9,0. Chất lượng sản phẩm được cải thiện rõ rệt và được khách hàng đánh giá cao. Bên cạnh đó, công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm của Công ty đã có những thay đổi tích cực, Công ty đã chủ động tiếp cận thị trường và xây dựng hệ thống khách hàng lớn, các đại lý đã từng bước khẳng định thương hiệu đường Sơn La trên thị trường.



(Nguồn: SLS)



(Nguồn: SLS)

**b. Sản xuất và kinh doanh phân bón**



Toàn bộ lĩnh vực hoạt động này do Xí nghiệp Sản xuất và Kinh doanh phân bón của Công ty đảm trách. Công ty sử dụng các sản phẩm phụ sau chế biến đường như bùn, bã mía, tro của đốt lò ủ men vi sinh, trộn với một số loại phân hữu cơ để chế biến thành phân vi sinh, một loại phân đặc biệt thích hợp bón cho cây mía và cải tạo đất bị thoái hóa.

Hoạt động kinh doanh này chỉ chiếm 1,45% tổng doanh thu của Công ty trong năm 2010, tuy nhiên, năm 2011, hoạt động kinh doanh này đã chiếm tới 16,54% tổng doanh thu của Công ty.

Phân vi sinh gồm các loại bón thúc và bón lót, chủ yếu được sử dụng để cung cấp cho các hộ trồng mía tại địa bàn Công ty hoạt động.

**c. Hoạt động kinh doanh nông sản**

Hoạt động này của Công ty được giao cho Xí nghiệp Kinh doanh nông sản và thương mại thực hiện. Xí nghiệp này mới được thành lập từ cuối năm 2009 với nhiệm vụ chính là tổ chức thu mua, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản như ngô, sắn, đậu đen... và kinh doanh các mặt hàng vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Việc thu mua nông sản của Xí nghiệp chủ yếu tập trung tại các lò sấy trong huyện Mai Sơn, Thuận Châu, Sông Mã, các hộ dân trồng ngô... Nguồn thu mua nằm ở trung tâm nông sản huyện Mai Sơn là cửa ngõ của các huyện Thuận Châu, thành phố Sơn La, Sông Mã nên nguồn nông sản tương đối dồi dào. Do đang trong giai đoạn mới thành lập nên công việc của Xí nghiệp là tập trung thu mua, tích trữ nông sản để sẵn sàng phục vụ cho các hợp đồng sắp ký kết. Bước đầu, hoạt động của Xí nghiệp sẽ được phối hợp chặt chẽ với Công ty Cổ phần Thức ăn gia súc Thiên Lộc (là công ty có vốn góp dài hạn của SLS) để thực hiện các Hợp đồng cung cấp ngô, sắn và các loại nông sản khác nhằm mục đích tạo sự ổn định để tiến tới tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ.

**d. Hoạt động kinh doanh xăng dầu**

Đây là hoạt động kinh doanh mới được Công ty đưa vào hoạt động từ đầu năm 2008 sau khi Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần. Đây là lĩnh vực kinh doanh góp phần đa dạng hoá nguồn doanh thu cho Công ty và bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định, cụ thể năm 2008 lợi nhuận từ kinh doanh xăng dầu là 49,1 triệu đồng, đến năm 2010 con số này đã tăng lên 280 triệu đồng, tuy nhiên năm 2011 lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xăng dầu chỉ đạt 64,8 triệu đồng.



Lễ khai trương cửa hàng Xăng dầu của Công ty

## 6.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

### SẢN LƯỢNG SẢN PHẨM QUA CÁC NĂM

Loại sản phẩm	Thực hiện năm 2009	Thực hiện năm 2010	Thực hiện năm 2011	Thực hiện 6 tháng 2012
Đường (tấn)	11.807	10.056,7	13.755,65	24.478,85
Vi Sinh (tấn)	3.055	2.060	2.941	3.183,6
Mật rỉ (tấn)	4.303,6	3.413,5	4.752	9.000
Nông sản, phân bón			7.810,7	4.958
Xăng dầu (lít)	1.711.011		1.658.613	1.491,6

(Nguồn: SLS)



## TỶ TRỌNG DOANH THU THUẦN CỦA TỪNG LOẠI SẢN PHẨM

Loại sản phẩm, dịch vụ	Năm 2010		Năm 2011		+/- Thực hiện năm 2011 so với năm 2010	6 tháng 2012	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Đường	137.970.159.997	71,82%	244.258.552.859	66,86%	77,04%	412.995.033.240	82,94%
Vi sinh	3.729.238.095	1,94%	6.407.521.905	1,75%	71,82%	10.682.833.332	2,14%
Mật ri	4.750.623.144	2,47%	8.066.785.618	2,21%	69,8%	9.405.047.619	1,9%
Phân bón, thuốc sâu	2.791.402.560	1,45%	60.414.795.290	16,54%	2.064,32%	29.119.295.354	5,85%
Xăng dầu	22.267.665.721	11,59%	28.423.093.202	7,78%	27,64%	29.736.210.684	5,97%
Nông sản	20.534.538.239	10,69%	15.890.543.286	4,35%	-22,62%	4.946.115.904	1%
Vận chuyển xăng dầu	-	-	681.987.250	0,19%	-	1.055.742.117	0,20 %
Bán vôi	-	-	1.148.392.800	0,31%	-	-	-
DV khác	69.527.230	0,04%	32.727.273	0,01%	-52,93%	-	-
<b>Cộng</b>	<b>192.113.154.986</b>	<b>100%</b>	<b>365.324.399.483</b>	<b>100%</b>	<b>90,16%</b>	<b>497.940.278.250</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: SLS)



## TỶ TRỌNG LỢI NHUẬN GỘP CỦA TỪNG LOẠI SẢN PHẨM

Loại sản phẩm, dịch vụ	Năm 2010			Năm 2011			Thực hiện năm 2011 so với năm 2010	6 tháng 2012		
	Giá trị thực hiện (đồng)	Tỷ trọng so với lợi nhuận gộp	Tỷ trọng so với doanh thu thuần	Giá trị thực hiện (đồng)	Tỷ trọng so với lợi nhuận gộp	Tỷ trọng so với doanh thu thuần		Giá trị thực hiện (đồng)	Tỷ trọng so với lợi nhuận gộp	Tỷ trọng so với doanh thu thuần
		(%)	(%)		(%)	(%)			(%)	
Đường	45.230.555.285	86,07%	23,54%	57.332.750.623	88,29%	15,70%	26,76%	87.115.413.655	85,81%	17,5%
Mật rỉ	4.750.623.144	9,04%	2,47%	8.066.785.618	12,43%	2,21%	69,80%	9.405.047.619	9,26%	1,9%
Phân bón, thuốc sâu	71.599.154	0,14%	0,04%	-3.309.197.357	-5,10%	-	-	555.184.629	0,55%	0,11%
Phân vi sinh	786.087.497	1,5%	0,4%	1.006.835.486	1,55%	0,28%	28,08%	2.871.545.452	2,83%	0,58%
Xăng dầu	280.539.205	0,53%	0,15%	64.875.839	0,10%	0,02%	-76,87%	160.793.158	0,16%	0,03%
Vận chuyển xăng dầu	0	0%	0%	0	0%	0%	0%	3.867	0%	0%
Bán vôi	0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0	0%	0%
DV khác	69.527.230	0,13%	0,04%	32.727.273	0,05%	0,01%	-52,93%	0	0%	0%
Kinh doanh nông sản	1.364.972.121	2,6%	0,71%	1.741.660.174	2,68%	0,48%	27,59%	1.412.108.138	1,39%	0,28%
<b>Cộng</b>	<b>52.553.903.636</b>	<b>100,00%</b>	<b>27,35%</b>	<b>64.936.437.656</b>	<b>100%</b>	<b>18,70%</b>	<b>23,56%</b>	<b>101.520.096.518</b>	<b>100%</b>	<b>20,40%</b>

(Nguồn: SLS)

### 6.3. Nguyên vật liệu

#### a. Nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Hoạt động của Công ty được phân thành 4 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chủ yếu, gồm: chế biến và kinh doanh đường, kinh doanh nông sản, kinh doanh xăng dầu, chế biến và kinh doanh phân bón. Đối với mỗi lĩnh vực hoạt động, Công ty đều xây dựng được các kênh cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo cho tất cả lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn ổn định.

#### **✚ Đối với hoạt động chế biến và kinh doanh đường**

Công ty ký hợp đồng trồng mía với các hộ nông dân tại địa bàn huyện Yên Châu, Mai Sơn và thành phố Sơn La. Các chính sách đầu tư, hỗ trợ đúng hướng của Công ty trong những năm qua đã được các hộ nông dân trồng mía và các cấp chính quyền địa phương đồng thuận ủng hộ cao, Công ty đã đạt được kết quả phát triển vùng nguyên liệu mía như sau:

- + Diện tích mía niên vụ 2009-2010: 2.513,7 ha
- + Diện tích mía niên vụ 2010-2011: 3.053 ha
- + Diện tích mía niên vụ 2011-2012: 4.430 ha
- + Diện tích mía niên vụ 2012 -2013: 4.500 ha

Thực tế này đã chứng minh cho hướng đi đúng của việc đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía ổn định, bền vững của Công ty. Để chuẩn bị cho sản xuất niên vụ mía đường tiếp theo, Công ty dự kiến kế hoạch sản xuất và đầu tư mía nguyên liệu như sau:

#### **Kế hoạch sản xuất mía nguyên liệu:**

- + Tổng sản lượng sản xuất dự kiến: 270.000 – 290.000 tấn
- + Năng suất bình quân: 60 – 65 tấn/ha
- + Diện tích toàn vùng nguyên liệu: 4.500 ha

#### **Kế hoạch đầu tư sản xuất mía nguyên liệu:**

Công ty dự kiến vốn đầu tư cho vùng mía nguyên liệu năm 2012 tối đa là 50 tỷ đồng/ha, bao gồm: giống mía, giống vi sinh, phân NPK, phân đạm, thuốc bảo vệ thực vật, tiền làm đất, vận chuyển giống, trong đó:

- + Đầu tư thâm canh chăm sóc cho mía lưu gốc bình quân: 9.500.000 đồng/ha
- + Đầu tư cho mía trồng mới bình quân: 20.000.000 đồng/ha

Nhằm đạt được kế hoạch sản xuất và đầu tư sản xuất mía nguyên liệu, Công ty đã áp dụng các chính sách khuyến khích hỗ trợ người dân trồng mía nhằm tăng thêm sản lượng mía nguyên liệu phục vụ cho vụ ép mới. Cụ thể:

- + *Hỗ trợ 2.000 ha đối với một số vùng mía trọng điểm để tăng chữ lượng đường và khả năng phát triển của cây mía với mức hỗ trợ 03 lít phân bón lá power cho 01 ha, tương ứng khoảng 2,1 tỷ đồng.*

- + Đối với sản lượng mía thu hoạch từ ngày 15/4/2012 đến cuối vụ: Công ty hỗ trợ 50 đồng/kg (giá thanh toán là 950 đồng/kg); diện tích thu hoạch từ 01/5/2012 Công ty hỗ trợ 01 tấn vi sinh cho 1 ha. Tổng số tiền hỗ trợ tương ứng khoảng 1,4 tỷ đồng.
- + Đầu tư cho người trồng mía vay 15-20 triệu đồng/ha.
- + Chi sửa chữa đường nội vùng: khoảng 500 triệu đồng/năm.
- + Nhập giống mới có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chịu hạn tốt cung cấp cho người trồng mía.
- + Thực hiện chính sách ứng trước tiền mía cho những hộ có diện tích lớn.
- + Thực hiện chính sách hỗ trợ đặc biệt cho vùng mía làm giống.

### Hình ảnh mía nguyên liệu của Công ty



### Vận chuyển mía về nơi chế biến



### Kiểm tra chất lượng mía giống



### ✚ Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu

Nguồn cung cấp xăng dầu duy nhất của Công ty là Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình – Chi nhánh Sơn La. Công ty thực hiện ký hợp đồng cung ứng có thời hạn 5 năm thanh toán theo



tùng đợt vào ngày 10 và 20 hàng tháng. Đặt hàng tháng sau vào ngày 15 của tháng trước, đơn hàng tuần sau vào ngày thứ 5 tuần trước.

**✚ Đối với hoạt động kinh doanh nông sản**

Công ty trực tiếp thu mua tại các lò sấy và các hộ nông dân trồng ngô trong huyện Mai Sơn, Thuận Châu, Sông Mã... Trong đó nguồn thu mua nằm ở trung tâm nông sản của huyện Mai Sơn, là cửa ngõ ra của các huyện Thuận Châu, Sông Mã, thành phố Sơn La, do vậy nguồn nông sản tương đối dồi dào.

**✚ Đối với hoạt động chế biến và kinh doanh phân bón**

Các loại hóa chất, men vi sinh Công ty ký hợp đồng trực tiếp với Công ty Cổ phần Fitolocmon, các loại đạm, lân, kali Công ty mua rộng rãi trên thị trường, bùn tro phế liệu được thu hồi từ dây chuyền sản xuất đường.

Dưới đây là một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty:

**Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu thường xuyên của Công ty**

TT	Tên nhà cung cấp	Mặt hàng cung cấp
1	Công ty Nông trường Tô Hiệu	Mía nguyên liệu
2	Ông Lò Văn Tường	Mía nguyên liệu
3	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình – chi nhánh Sơn La	Xăng, dầu
4	Công ty Cổ phần Fitolocmon	Hóa chất, men vi sinh
	.....	

Nguồn: SLS

**b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu**

**✚ Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh đường**

Trong những năm qua, cùng nằm trong tình trạng khan hiếm nguồn nguyên liệu mía đầu vào như đa số các doanh nghiệp trong ngành mía đường, công suất của Nhà máy đường của Công ty qua các vụ ép đều không đạt mức tối đa theo thiết kế, thông thường chỉ đạt 50% công suất. Ý thức được tầm quan trọng của việc xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, từ đầu năm 2008 sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty đã nỗ lực thực hiện nhiều chính sách nhằm tạo sự ổn định nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào từ đó ổn định sản xuất tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển của Công ty trong tương lai. Cụ thể:

Ngay trong giai đoạn đầu chuyển đổi hình thức hoạt động từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần, việc bán cổ phần lần đầu đã được Công ty cân nhắc kỹ lưỡng trong đó ngoài việc chú trọng đến quyền lợi của người lao động, Công ty còn hướng đến mục tiêu sau chuyển đổi công ty cổ phần có lợi nhuận sẽ vận động người trồng mía trong vùng nguyên liệu của Nhà máy tham gia mua cổ phần để tạo sự gắn kết trách nhiệm và quyền lợi của người trồng mía với Nhà máy, từ đó đảm bảo sự ổn định cho vùng mía nguyên liệu, tạo dựng niềm tin với các hộ trồng mía.



Bên cạnh đó, để đảm bảo lợi ích cho người nông dân trồng mía, Công ty đã tăng giá thu mua và công bố giá thu mua trong 3 năm để người trồng mía yên tâm sản xuất. Đồng thời, đầu tư giống mới, hỗ trợ phân bón, hướng dẫn người dân các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, kỹ thuật thâm canh tăng năng suất và cam kết điều chỉnh giá thu mua mía cây khi sản phẩm đường trên thị trường tăng giá. Ngoài ra Công ty còn đầu tư hàng trăm triệu đồng xây dựng, sửa chữa hệ thống đường giao thông trong vùng nguyên liệu, phục vụ vận chuyển mía và nhu cầu của nhân dân, thực hiện chính sách khuyến khích, khen thưởng các hộ có diện tích lớn, năng suất cao, cho nông dân vay vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển chăn nuôi.

Mặt khác, công tác thu mua của Công ty cũng có nhiều đổi mới, các đơn vị của Công ty có sự phối hợp chặt chẽ để thu mua, vận chuyển tiêu thụ hết sản lượng mía cho nông dân, thành lập các tổ lưu động tới các xã, bản thanh toán đầy đủ, kịp thời, tạo tâm lý yên tâm phấn khởi, gắn bó chặt chẽ mối quan hệ giữa người trồng mía với Công ty.

Ngoài ra, thấy được lợi ích cây mía mang lại cho người dân ở địa phương, chính quyền địa phương đã đưa cây mía vào 5 nhóm cây chủ lực để phát triển kinh tế địa phương, đồng thời có những quyết sách thay đổi lớn đối với cây mía trên vùng đất Sơn La, tại hội nghị tổng kết vùng nguyên liệu mía năm 2010 của Công ty, đại diện UBND tỉnh Sơn La công bố trong năm 2010 UBND tỉnh sẽ phê duyệt chính thức quy hoạch lại vùng nguyên liệu mía trên địa bàn tỉnh với diện tích từ 4.500ha-5.000ha.

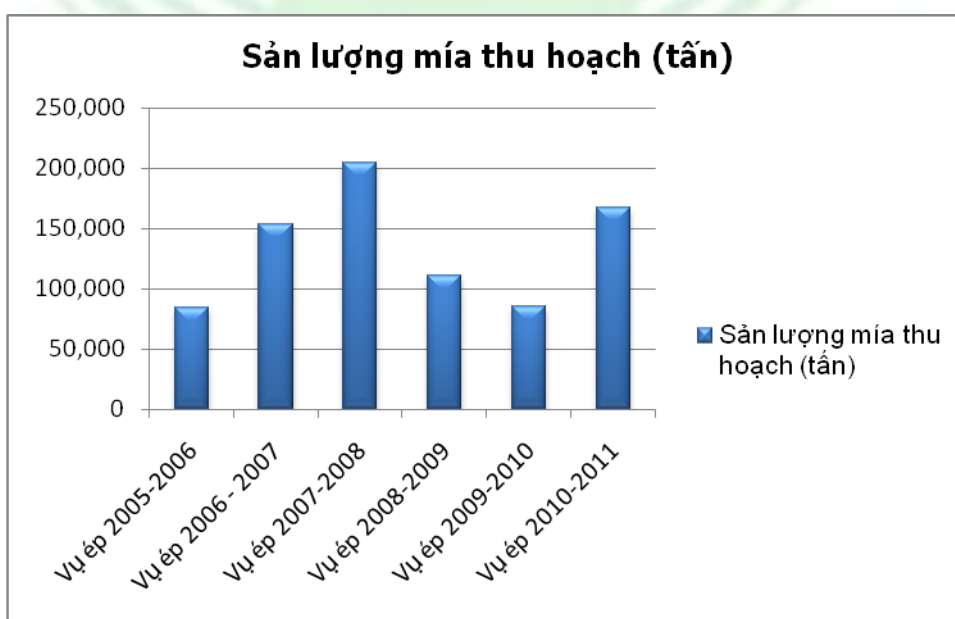
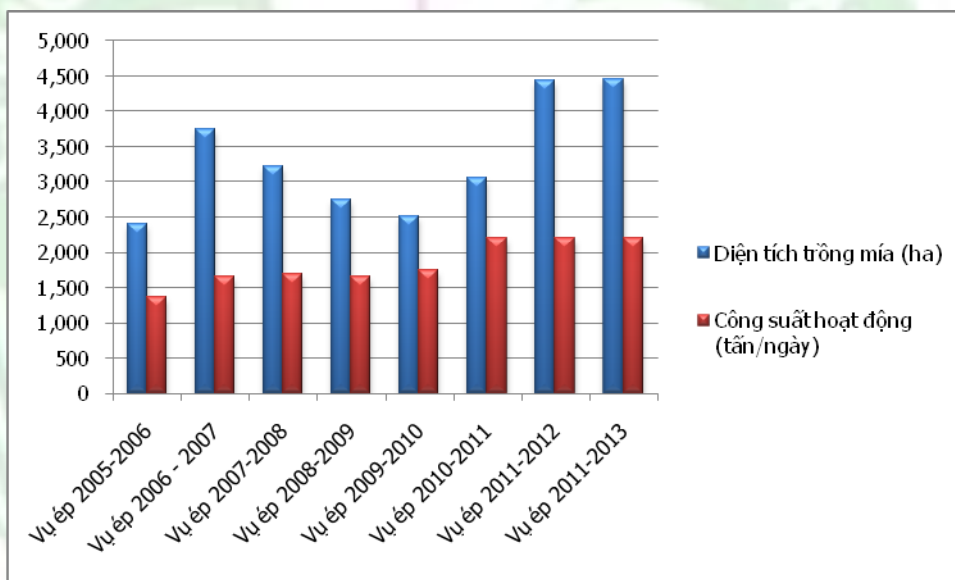
Trong năm 2010 và 2011, Công ty đã từng bước áp dụng đồng bộ, bổ sung các chính sách đầu tư hỗ trợ cho phát triển nguyên liệu: đầu tư thay đổi bộ giống mía mới, bước đầu thử nghiệm áp dụng khoa học công nghệ trong canh tác (cày đất bằng máy), nghiên cứu để xây dựng trại sản xuất mía giống... đã khẳng định tính đúng đắn, hợp lý và hiệu quả thiết thực, được các hộ dân trồng mía và các cấp địa phương ủng hộ, đây là tiền đề tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững cho giai đoạn tiếp theo của Công ty. Cụ thể:

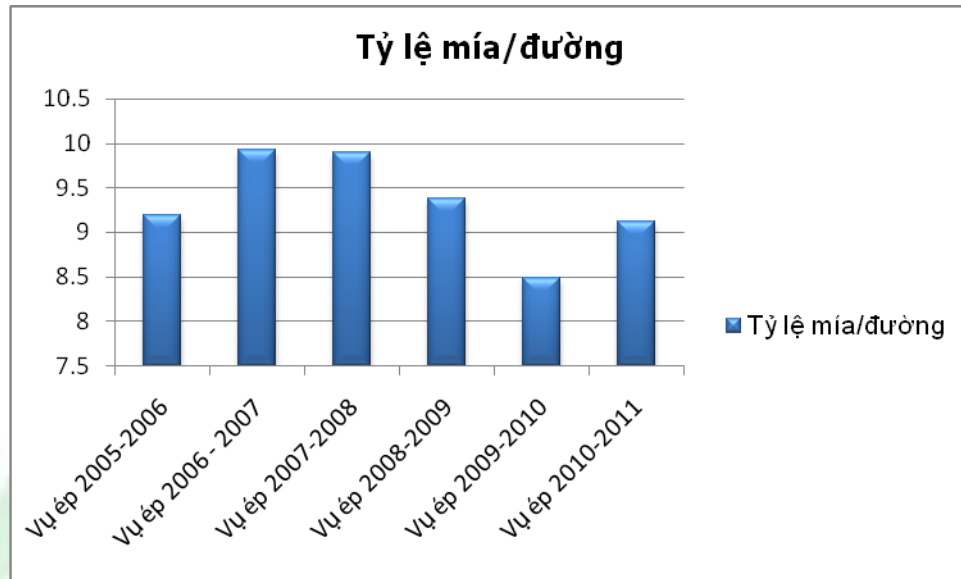
- *Về cơ cấu giống:* Đã đầu tư thay thế 1.045 ha, đạt 52% diện tích được trồng các giống mía mới ROC22, Quế Hồng, Quế đường 94, 128, cho năng suất và chữ đường cao góp phần đem lại lợi ích trực tiếp cho người trồng mía và Công ty (trong 3 năm qua Công ty đã đầu tư nhập trên 3.000 tấn giống mía mới các loại, năm 2010: 1.884 tấn, năm 2011: 1.246 tấn).
- *Về dự án trại sản xuất thân giống mía mới:* Công ty đã làm việc và thống nhất triển khai ký hợp đồng với Công ty Nông nghiệp Tô Hiệu để dành 50 ha quỹ đất làm dự án nghiên cứu và phát triển các giống mía mới.
- *Công ty đã hỗ trợ phân bón vô cơ, vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật với chất lượng và giá cả thấp hơn thị trường giúp các hộ trồng mía giảm sút đầu tư.* Theo đó, Công ty đã cung cấp 638 tấn vôi bột để giúp một số hộ cải tạo đất chua (tăng độ pH cho đất chua) hoang hóa để trồng mía có hiệu quả hơn.
- *Bước đầu,* Công ty đã thử nghiệm và thành công trong việc thay đổi tập quán canh tác của người trồng mía với việc áp dụng phương thức “nhân giống bằng ngọn mía” và đưa vào

khai thác sử dụng “02 máy cày đất công suất lớn” đã cày được 280 ha với độ sâu 40-45 cm tạo điều kiện cho người trồng mía nâng cao năng suất và chất lượng mía nguyên liệu.

- Tham gia, khảo nghiệm trực tiếp các buổi hội thảo khoa học, hội nghị liên quan đến xây dựng phát triển vùng nguyên liệu do Hiệp hội mía đường Việt Nam và các Công ty mía đường khác tổ chức để tiếp cận và nghiên cứu áp dụng những giải pháp mới, từng bước đưa cơ giới hóa vào khâu sản xuất mía nhằm phát triển vùng mía nguyên liệu đạt hiệu quả cao hơn trên đơn vị diện tích đất đai cho các hộ dân.

Với những chính sách linh hoạt đúng đắn trong việc gắn kết chặt chẽ mối quan hệ giữa người trồng mía với nhà máy, đồng thời lại nhận được sự quan tâm giúp đỡ của chính quyền địa phương, Công ty đã dần tạo dựng được sự ổn định vững chắc nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào, tạo điều kiện cho Công ty ổn định sản xuất và định hướng mở rộng phát triển trong tương lai gần.





Nguồn: SLS

#### **✚ Đối với hoạt động kinh doanh khác**

Nguồn nguyên liệu cung cấp cho các hoạt động kinh doanh khác đều đáp ứng đủ theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận**

Trong cơ cấu giá thành sản phẩm, chi phí nguyên liệu mía chiếm tỷ trọng 60 – 65% giá thành sản phẩm, do vậy những biến động về giá nguyên liệu này sẽ có tác động đáng kể tới giá thành sản phẩm từ đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thực tế ngành mía đường của Việt Nam trong những năm gần đây cho thấy các nhà máy chế biến đường ngày càng thiếu hụt nguyên liệu mía đầu vào để chế biến, diện tích trồng mía ngày càng bị thu hẹp, năng suất trồng thấp dẫn đến sản lượng mía cung cấp cho các nhà máy luôn bị đặt trong tình trạng thiếu hụt trầm trọng, nhiều nhà máy không có vùng nguyên liệu riêng nên thực hiện đẩy giá thu mua để tranh mua làm cho giá nguyên liệu đầu vào bị đẩy lên cao. Niên vụ mía đường 2010-2011, giá mía nguyên liệu đã tăng bình quân từ 250.000 – 400.000 đồng/tấn so với niên vụ 2009-2010. Giá nguyên liệu mía tăng làm chi phí sản xuất tăng ảnh hưởng đến kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp trong ngành.

Về phía Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La, nhờ có chính sách đầu tư phát triển vùng nguyên liệu đúng đắn, chính sách thu mua linh hoạt đã giúp Công ty luôn bình ổn được giá cả cũng như sản lượng nguyên liệu mía tạo điều kiện cho cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn ổn định.

Đối với các nguyên vật liệu, hàng hóa khác nằm trong các ngành kinh doanh như xăng dầu và nông sản thì kinh doanh hưởng hoa hồng bán hàng và mua nông sản chờ tăng giá nên giá đầu vào ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh trong kỳ.

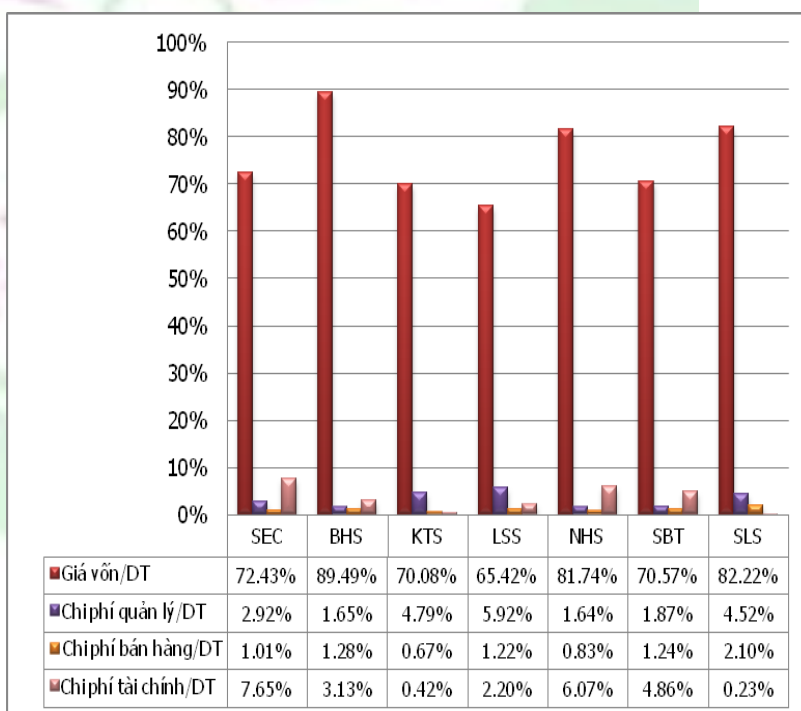
**6.4. Chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất	Năm 2010		Năm 2011		6 tháng 2012	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/DTT	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/DTT	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/DTT
Giá vốn hàng bán	139.559.251.350	72,64%	300.317.661.827	82,22%	396.420.181.732	79,61%
Chi phí tài chính	2.134.803.137	1,11%	843.988.679	0,23%	2.071.413.622	0,42%
Chi phí bán hàng	9.135.491.809	4,76%	7.685.427.734	2,10%	16.864.995.877	3,39%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.595.857.789	6,56%	16.523.581.951	4,52%	11.195.879.666	2,25%
Chi phí khác	293.445.149	0,15%	1	-	0	0%
<b>Cộng</b>	<b>163.718.849.234</b>	<b>85,22%</b>	<b>325.370.660.192</b>	<b>89,08%</b>	<b>426.552.470.897</b>	<b>85,66%</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC 6 tháng 2012

**Biểu đồ chi phí sản xuất/Doanh thu thuần của các doanh nghiệp mía đường năm 2011**

Năm 2011, tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán/DTT của SLS cao hơn 6% so với mức bình quân của nhóm doanh nghiệp được so sánh (76%), nguyên nhân do trình độ công nghệ máy móc của SLS so với nhiều đối thủ còn hạn chế dẫn đến giá thành sản xuất cao. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng của SLS cao hơn so với nhiều đối thủ trong ngành do trong năm 2011, SLS tập trung đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm; tăng cường công tác



quản lý, kiểm soát rủi ro trong quá trình hoạt động của Công ty. Chi phí tài chính của SLS thấp so với các doanh nghiệp khác do SLS chủ yếu sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu, nợ vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty.

## 6.5. Trình độ công nghệ

### 6.5.1. Giới thiệu tổng quát

Nhà máy đường Sơn La được thành lập, xây dựng, lắp đặt hoàn thiện năm 1997, sử dụng thiết bị và công nghệ của Trung Quốc với công suất thiết kế là 1000 tấn mía cây/ngày. Năm 1999, do yêu cầu của việc mở rộng vùng nguyên liệu Công ty đã đầu tư nâng cấp công suất ép của nhà máy lên 1.500 tấn mía/ngày.

**Hình ảnh Nhà máy đường của Công ty**



Trong những năm gần đây xác định được việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và quản lý, Công ty đã từng bước đầu tư, nâng cấp có chọn lọc một số thiết bị cho dây chuyền để nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nhằm tăng thêm sức cạnh tranh cho sản phẩm của Công ty.

Từ công suất thiết kế ban đầu là 1.000 tấn mía/ngày, Công ty đã nâng lên thành 1.500 tấn mía/ngày và 1.800 tấn mía/ngày theo phương pháp sunfit hóa với những thiết bị chính:

STT	Tên thiết bị	Thông tin thiết bị
1	Cân điện tử	2 cân trọng lực 60 tấn.
2	Hệ thống cầu trục	2 cầu cầu cầu sức nâng 10 tấn/cầu
3	Hai máy xé toí	Kiểu lưỡi dao sử dụng động cơ điện xoay chiều 3 pha
4	Dàn máy ép	5 máy động cơ điện xoay chiều 3 pha
5	Thiết bị lọc vụn cám mía thùng quay	
6	Hệ thống bốc hơi nước mía	7 nồi tổng diện tích BH = 3.550m <sup>2</sup>
7	Hệ thống gia nhiệt	7 máy tổng diện tích = 651m <sup>2</sup>
8	Thiết bị lắng	Thể tích 140m <sup>3</sup>
9	Máy lọc lưới dùng bơm hút chân không	Diện tích lọc = 45m <sup>2</sup>



10	Hệ thống xông tẩy, làm sạch nước mía bằng công nghệ sun fit hoá	
11	Lò đốt lưu huỳnh	2 lò có diện tích khay đốt 1.8m <sup>2</sup> /lò
12	Nồi nấu đường	5 nồi thể tích 20m <sup>3</sup> , 1 nồi thể tích 30m <sup>3</sup>
13	Dàn máy ly tâm đường A	4 máy Trung Quốc công suất 600 kg đường non/mẻ 1 máy Ấn Độ công suất 1250 kg đường non/mẻ
14	Dàn máy ly tâm đường B	2 máy công suất 3.000 kg đường non/h
15	Dàn máy ly tâm đường C	3 máy công suất 3.000 kg đường non/h
16	Hệ thống máy nén khí	1 máy công suất 420m <sup>3</sup> /h, 1 máy công suất 180m <sup>3</sup> /h.
17	Hệ thống sấy đường thành phẩm, sàng chọn hạt	
18	Hệ thống 2 lò hơi đốt bã mía	SHS - 2,45/400 - G(Y)
19	Hệ thống 2 tua bin máy phát điện đồng bộ	Công suất 3,0Mw/h

(Nguồn: SLS)

**\* Ưu điểm của một số thiết bị chính của Công ty:**

**a. Thiết bị lọc cám mía kiểu thùng quay**

Hỗ trợ tối đa cho quá trình làm sạch nước mía trong công đoạn làm sạch, giảm vòng tuần hoàn cám mía không cần thiết trong quá trình thẩm thấu của công đoạn ép mía, khắc phục được các sự cố thường xảy ra với hệ thống bơm chống tắc, tăng tỉ lệ thu hồi đường.

**b. Thiết bị lọc lưới chân không**

Giảm chi phí về hoá chất hỗ trợ trong quá trình lọc, giảm bớt nhân công lao động và đơn giản trong vận hành, không chế được pol bùn ở mức thấp nhất, tăng tỉ lệ thu hồi đường. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để đạt được tỷ lệ 8,49 mía/đường trong vụ ép 2009 - 2010.

**c. Máy ly tâm đường A tự động**

Tiết kiệm được nhân công lao động, tăng chất lượng đường thành phẩm, giảm tiêu hao về điện, hơi lượng mật nguyên, loãng được tách riêng rõ rệt tạo điều kiện cho quá trình nấu lại được cân bằng và ổn định.

**d. Hệ thống băng tải thuyền vớt tro**

Tận thu được tối đa lượng tro thải sau quá trình cháy của lò hơi để sản xuất phân vi sinh, giảm lượng nước thải bị ô nhiễm ra môi trường. Là một trong những thành tựu để đạt giải thưởng hiệu xanh năm 2010.

**e. Hệ thống tua bin, máy phát điện**

Hệ thống 02 tua bin, máy phát điện có công suất tối đa là 3,0 Mw/h đáp ứng được toàn bộ nhu cầu sử dụng của thiết bị điện trong toàn nhà máy.



Song song với kế hoạch nâng cấp, thay thế, cải tạo thiết bị của dây chuyền sản xuất chế biến đường, vùng nguyên liệu mía của Công ty cổ phần mía đường Sơn la cũng được đề cao và chú trọng từ việc đầu tư giống vốn ban đầu, chăm sóc trong quá trình sinh trưởng và phát triển của cây mía. Công ty đã cử nhiều đoàn cán bộ vùng nguyên liệu đi tham quan, nghiên cứu các giống mía mới phù hợp với chất đất và khí hậu của địa bàn vùng nguyên liệu trong tỉnh, hướng dẫn các hộ trồng mía áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật mang lại hiệu quả kinh tế cao, không ngừng nâng cao đời sống của người dân, cạnh tranh một cách lành mạnh với các giống cây trồng khác được lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo địa phương các vùng trồng mía quan tâm, ủng hộ.

Năm 2010, Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Hội đồng quản trị phê duyệt thực hiện 04 hạng mục cải tạo, sửa chữa lớn cho dây chuyền sản xuất, cụ thể:

- Tổng vốn đầu tư được phê duyệt: 12.877.000.000 đồng
- Vốn đầu tư đã thực hiện: 12.024.000.000 đồng
- Vốn đầu tư chưa thực hiện: 853.000.000 đồng
- Các hạng mục đã cải tạo, sửa chữa:
  - + Cải tạo, nâng cấp máy lắng trong hiện cũ thành máy lắng nhanh công suất 2.200 tấn mía/ngày
  - + Cải tạo, sửa chữa téc mật ri 3.000 m<sup>3</sup>
  - + Sửa chữa hệ thống ao điều hòa nước thải
  - + Sửa chữa, nâng cấp thiết bị máy xé toại số 1
  - + Ngoài ra, Công ty đã hoàn thành 2 hạng mục đầu tư chuyển tiếp từ năm 2009 gồm: cải tạo, nâng cấp 2 lò hơi từ 20 tấn hơi/h lên 24-25 tấn hơi/h; xây mới 1 kho chứa sản phẩm 1.400m<sup>2</sup>.

Trong năm 2011, Công ty đã triển khai 4 dự án đầu tư, cụ thể:

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (VNĐ)	Giải ngân năm 2011 (VNĐ)
1	Đầu tư mua sắm 2 máy cày đất	1.520.000.000	1.520.000.000
2	Dự án đầu tư Nhà máy chế biến nông sản	12.887.684.597	5.000.000.000
	- Chi phí thiết bị	3.542.185.309	
	- Chi phí xây lắp	8.062.669.986	
	- Chi phí khác (quản lý dự án, tư vấn, lãi vay, dự phòng, chi phí khác)	1.282.829.302	5.000.000.000
3	Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường từ 1.500 tấn mía/ngày lên 2.200 tấn mía/ngày (*)	55.798.630.546	46.314.727.000





	- Chi phí thiết bị	35.670.000.000	32.103.000.000
	- Chi phí xây lắp	10.883.000.000	8.706.400.000
	- Chi phí khác (quản lý dự án, tư vấn, dự phòng,...)	5.051.163.886	1.505.327.000
	- Lãi vay trong thời gian đầu tư	4.194.466.660	4.000.000.000
<b>4</b>	<b>Đầu tư cải tạo trụ sở làm việc</b>	<b>3.033.015.000</b>	<b>3.033.015.000</b>
	- Chi phí xây lắp	2.411.000.000	2.411.000.000
	- Chi phí khác (quản lý dự án, tư vấn, dự phòng,...)	592.015.000	592.015.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>73.239.330.143</b>	<b>53.138.042.000</b>

(\*) Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng dây chuyền chế biến đường công suất từ 1.500 lên 2.200 tấn mía ngày từ vụ ép 2011-2012.

#### **Kế hoạch đầu tư dự án năm 2012**

Căn cứ thực trạng thiết bị và tình hình sản xuất của dây chuyền chế biến đường vụ ép 2011-2012 với công suất dây chuyền 2.200 TMN; căn cứ kết quả khảo sát thực tế tại nhà máy Đường Đắc Nông về việc đầu tư nâng cấp dây chuyền và để đáp ứng mục tiêu sản xuất chế biến vụ ép 2012-2013 có hiệu quả, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty đã thông qua việc tập trung đầu tư hoàn thiện đồng bộ các thiết bị nhằm khai thác hiệu quả tối đa công suất dây chuyền hiện này là 2.200 TMN với kế hoạch đầu tư năm 2012 như sau:

- ❖ Tổng mức đầu tư của dự án: 53.300.000.000 đồng
- ❖ Phương thức đầu tư: Đấu thầu rộng rãi, công khai
- ❖ Dự án đầu tư gồm:
  - Đầu tư nâng cấp 01 lò hơi lên công suất 32 tấn/h:
    - + Tổng mức đầu tư: 19.500.000.000 đồng
    - + Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ tháng 5/2012
    - + Thời gian đưa vào sử dụng: Tháng 11/2012
  - Đầu tư Tuốc Bin và máy phát điện đồng bộ công suất 6MW
    - + Tổng mức đầu tư: 33.800.000.000 đồng
    - + Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ tháng 1/2013
    - + Thời gian đưa vào sử dụng: Tháng 11/2013
  - Kiểm tu sửa chữa lớn:
    - + Cải tạo máng xả mía, đại tu 5 máy ép, lắp biến tần cho động cơ máy ép số 1 và số 5
    - + Thời gian đầu tư: Từ 5/2012-11/2012
    - + Tổng mức đầu tư dự kiến: 4.500.000.000 đồng

## 6.5.2. Quy trình sản xuất của Công ty

## a. Sơ đồ quy trình sản xuất

## SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ





## **b. Diễn giải quy trình sản xuất của Công ty**

Mía thu mua từ vùng nguyên liệu được vận chuyển về nhà máy qua hệ thống cân điện tử có năng lực cân 60 tấn/lượt sau đó phần lớn số lượng mía vận chuyển trong ngày (theo năng suất ép của thời điểm) được hệ thống cầu hạ xuống bục xả, số lượng còn lại (theo tính toán) được xếp xuống bãi chứa mía để sản xuất vào ban đêm khi không có xe vận chuyển.

Từ bục xả, mía được đưa vào máy xé toí I để xé toí sơ bộ, qua băng tải mía I vào máy xé toí II qua băng tải mía II - qua hệ thống băng tải cao su trung gian, nam châm điện vào máy ép số I và lần lượt ép lại qua hệ thống 5 máy ép (loại máy ba trục tỷ số hằng, động cơ điện không đồng bộ ba pha và trục nạp liệu cưỡng bức). Nước mía thu được ở máy ép sau được bơm quay lại thẩm thấu cho máy ép trước nhằm mục đích tận thu hết lượng đường chứa trong mía. Nước mía sau khi ép được bơm lên sàng lọc quay hạn chế tối đa cám mía trong nước mía hỗ trợ cho quá trình làm sạch.

Bã mía sau máy ép mía được chuyển tải qua hệ thống băng tải đưa sang làm nguyên liệu đốt lò hơi - hơi của lò hơi một lượng nhỏ được sử dụng cho hệ thống ly tâm A còn phần lớn lượng hơi sản xuất ra của lò hơi được dùng cho hệ thống tua bin máy phát điện - hơi sau tua bin được chuyển qua đường ống đến các thiết bị sử dụng hơi như: bốc hơi, gia nhiệt, nấu đường ...vv - hai máy phát điện có công suất tối đa là 3Mw/ h cung cấp điện cho các thiết bị sử dụng. Bã mía sau quá trình cháy của lò hơi được đưa đến hệ thống băng tải vớt tro, tro thu được dùng sản xuất phân vi sinh.

Nước mía hỗn hợp được bơm qua hệ thống trung chuyển và vào gia nhiệt I - lên xông tẩy SO<sub>2</sub> lần I - qua gia nhiệt II vào thiết bị lắng trong được nước bùn và nước lọc trong. Nước bùn đem đi lọc được nước lọc trong và bùn, nước lọc trong quay lại nước mía lắng trong, bùn được sử dụng làm phân vi sinh. Nước mía lắng trong qua hệ thống bốc hơi cô đặc rồi qua xông SO<sub>2</sub> lần II được chèn tinh và bơm lên nấu đường.

Đường non A sau nấu được nhả xuống trợ tinh sau thời gian làm nguội và khống chế nồng độ được chuyển qua công đoạn phân mật (ly tâm A). Mật nguyên sau ly tâm A đưa quay lại để nấu đường B, mật loãng A sau phân mật đưa quay lại để nấu đường A, B.

Đường non B sau nấu được nhả xuống trợ tinh sau thời gian làm nguội và khống chế nồng độ được chuyển qua công đoạn phân mật (ly tâm B). Mật sau ly tâm B đưa quay lại để nấu đường C. Đường cát B được hoà trộn với mật chèn để làm giống nấu A.

Đường non C sau nấu được nhả xuống trợ tinh sau thời gian làm nguội và khống chế nồng độ được chuyển qua công đoạn phân mật (ly tâm C). Mật sau ly tâm C được bơm đi bồn chứa mật ri. Đường cát C được hoà tan với chèn trong quay lại xông SO<sub>2</sub> lần hai và bơm lại lên nấu đường.

## **c. Công tác xử lý nước thải, bảo vệ môi trường của Công ty**

Song song với việc đầu tư thiết bị phát triển sản xuất kinh doanh Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường.

### ***Đối với dây chuyền chế biến đường***

Với dây chuyền sản xuất công nghệ của Trung Quốc sử dụng nhiều hóa chất, dùng nhiều nước tẩy rửa đặc biệt là màu để làm sạch. Để giảm thiểu tối đa các loại chất thải và nước thải, thực hiện triệt để tái sử dụng nước thông qua các hệ thống xử lý tuần hoàn lại, Công ty đã đầu tư một số thiết bị tiên tiến của thế giới nhằm giảm thiểu nước thải trong quá trình sản xuất và đã đem lại hiệu quả, cụ thể trước đây dây chuyền sản xuất chế biến đường 1 giờ thải ra 120-150m<sup>3</sup> nước, đến nay nước thải chỉ còn 40-50m<sup>3</sup>/h, khí thải của nhà máy được xử lý bằng hệ thống lọc đảm bảo không có khí hại ra môi trường.

### ***Đối với công tác xử lý nước thải***

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công nghệ tiên tiến nhằm đảm bảo an toàn nước được xử lý khi đưa ra môi trường. Năm 2007, Công ty đã phối hợp nghiên cứu áp dụng đưa men vào xử lý nước thải. Đây là phương pháp dùng men tạo vi sinh vật để xử lý, không dùng hóa chất do quy trình công nghệ của phương pháp này là dùng các ao điều hòa gây men và tự bốc hơi vì vậy nước thải của Công ty không làm ô nhiễm môi trường, đồng thời các chỉ tiêu CO, OD, mùi đều đảm bảo yêu cầu của chi cục tài nguyên và cảnh sát môi trường.

### ***Công tác bảo vệ môi trường***

Cùng với việc thường xuyên nâng cấp các hạng mục xử lý trực tiếp khí thải, nước thải Công ty còn tích cực đẩy mạnh phong trào trồng cây xanh trong nhà máy, xí nghiệp. Công tác bảo vệ môi trường được Công ty quan tâm không những ở khu vực sản xuất mà cả trên đồng ruộng trồng mía, cụ thể các loại thuốc phòng trừ sâu, rệp đều là thuốc có gốc sinh học không ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và môi trường tự nhiên nói chung, bên cạnh đó Công ty còn tích cực tham gia các phong trào bảo vệ môi trường do địa phương phát động.

Những phần đầu trong công tác bảo vệ môi trường của Công ty đã được ghi nhận. Công ty là một trong 100 doanh nghiệp khác vinh dự nhận giải thưởng Thương hiệu xanh bền vững do Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam phối hợp cùng Bộ Tài nguyên Môi trường trao tặng.

## **6.6. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới**

Ngoài sản xuất mía đường, để đa dạng hóa sản phẩm Công ty đã thành lập 3 xí nghiệp thành viên gồm Xí nghiệp Nguyên liệu, Xí nghiệp Kinh doanh nông sản, Xí nghiệp Sản xuất và Kinh doanh phân bón đồng thời phát triển ngành nghề kinh doanh mới như kinh doanh thức ăn chăn nuôi và mở rộng địa bàn tiêu thụ đường trong tỉnh và các đại lý tiêu thụ đường tại Hải Phòng, Hà Nội, Vĩnh Phúc, bên cạnh đó Công ty đã phối hợp chặt chẽ với các cổ đông chiến lược và các đối tác liên kết trong việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty như: đường với Công ty Cổ phần Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị, rỉ mật với Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn, nông sản, mật rỉ với Công ty Cổ phần Thức ăn gia súc Thiên Lộc. Đặc biệt trong năm 2008, sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần Công ty đã phát triển thêm hệ thống kinh doanh xăng dầu và bước đầu đã đem lại kết quả



khả quan làm tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Đây được đánh giá là quyết định đúng đắn trong nỗ lực nghiên cứu phát triển đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh của Công ty.

## **6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

### **6.7.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng**

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La được áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn cơ sở tại Công ty.

### **6.7.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty**

Hiện nay Phòng Hoá nghiệm của Công ty chuyên trách về quản lý chất lượng, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện kiểm soát đánh giá và báo cáo về tình hình chất lượng liên quan đến việc sản xuất sản phẩm của Công ty. Phòng hoá nghiệm gồm 16 cán bộ nhân viên, trong đó 01 cán bộ và 15 nhân viên, hàng ngày tổ chức thành 3 ca kiểm soát toàn bộ chất lượng đầu vào, đầu ra và các công đoạn trong quá trình sản xuất theo tần suất thích hợp với từng công đoạn. Cụ thể gồm các công việc:

- Quản lý, theo dõi, kiểm tra chất lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất, bán chế phẩm trong quá trình sản xuất, thành phẩm nhập kho và xuất xưởng.
- Kiểm tra quá trình công nghệ sản xuất, căn cứ vào số liệu phân tích để lập ra những quy trình sản xuất nhằm điều chỉnh sản xuất và khắc phục rủi ro, sự cố.
- Tính hiệu suất tổng thu hồi và tổng tổn thất trong quá trình sản xuất.
- Xác định vẽ sơ đồ mô tả các công việc trong các quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm.
- Xác định các công việc tương ứng với các bộ phận chức năng bố trí trách nhiệm quản lý và kiểm soát chất lượng ở các bộ phận chức năng, đào tạo về chất lượng và quản lý chất lượng cho cán bộ, công nhân viên thuộc các bộ phận chức năng. Hướng dẫn xác định các yêu cầu về chất lượng đối với sản phẩm trên từng công đoạn và thao tác sản xuất ở từng bộ phận chức năng.
- Xác định mức độ quan trọng của mỗi tiêu chí chất lượng sản phẩm, thiết lập biểu mẫu kiểm soát với tần suất thích hợp tại mỗi bộ phận chức năng.
- Đào tạo tập huấn cho nhân viên lao động về cách thức đạt được các tiêu chí chất lượng. Tuân thủ nghiêm túc quy trình thực hiện và kiểm soát.
- Thu thập các biểu mẫu phân tích số liệu báo cáo và lưu trữ hồ sơ.

## **6.8. Hoạt động Marketing**

Công ty quan niệm việc quảng bá hình ảnh và sản phẩm nhằm tăng sự tin cậy đối với khách hàng cũng như để phát triển vùng nguyên liệu mía. Việc quảng bá của Công ty được thực hiện chủ yếu thông qua các pano quảng cáo, hội chợ, các hoạt động tài trợ...



### Một số hình ảnh về pano quảng cáo của Công ty

Cùng với việc triển khai các hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La đã có những đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội và từ thiện như xây nhà đại đoàn kết, nhà tình thương, trường học,... Việc tham gia các hoạt động cộng đồng vừa thể hiện tình cảm, đạo lý, phong cách kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời có tác động lớn trong việc nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường. Năm 2010 vừa qua, Công ty đã ủng hộ 5 tỷ đồng để đầu tư xây dựng, nâng cấp Trường tiểu học 19/5, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn. Sau gần 2 năm triển khai xây dựng và nâng cấp, Trường Tiểu học 19/5, xã Cò Nòi được đưa vào sử dụng đã giúp cho nhiều con em đồng bào khó khăn được tới trường đi học, góp phần mang đến cho thế hệ tương lai của vùng nguyên liệu mía một ngôi trường khang trang với nhiều phương tiện dạy và học tốt.

### Lễ khánh thành Trường Tiểu học 19/5 tại xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La



Ngoài ra, Công ty cũng được các phương tiện thông tin đại chúng trong tỉnh quan tâm nên đã làm một số phóng sự về Công ty. Việc Công ty đoạt giải “Vì môi trường Xanh” của báo Thương hiệu Việt, “Vì sự nghiệp phát triển nông nghiệp nông thôn” cũng góp phần làm tăng hiệu quả việc quảng bá hình ảnh của Công ty.

**6.9. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ**

Logo của Công ty:



Công ty đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu SLS và logo của Công ty tại Cục sở hữu trí tuệ.

**6.10 Các hợp đồng lớn**

\* Một số hợp đồng đã ký kết, đã và đang thực hiện

TT	Khách hàng	Hợp đồng	Mặt hàng	Khối lượng (tấn)	Giá trị hợp đồng (VND)	Giá trị đã thực hiện (VND)	Thời gian thực hiện
<b>1</b>	<b>Công ty CPTM&amp;DV Song phương</b>			<b>5.000</b>	<b>84.600.000.000</b>	<b>84.600.000.000</b>	<b>2012</b>
		Hợp đồng số 05, ngày 5/1/2012	Đường	1.000	17.400.000.000	17.400.000.000	
		Hợp đồng số 07 ngày 9/1/2012	Đường	1.000	17.100.000.000	17.100.000.000	
		Hợp đồng số 10 ngày 12/1/2012	Đường	1.000	17.100.000.000	17.100.000.000	
		Hợp đồng số 17 ngày 19/1/2012	Đường	2.000	33.000.000.000	33.000.000.000	
<b>2</b>	<b>Công ty TNHH TM kim Hà Việt</b>			<b>2.000</b>	<b>33.300.000.000</b>	<b>33.300.000.000</b>	<b>2012</b>
		Hợp đồng số 16, ngày 19/1/2012	Đường	1.000	16.800.000.000	16.800.000.000	
		Hợp đồng số 16, ngày 19/1/2012	Đường	1.000	16.500.000.000	16.500.000.000	
<b>3</b>	<b>Công ty TNHH Việt Nga</b>			<b>2.000</b>	<b>33.100.000.000</b>	<b>33.100.000.000</b>	<b>2012</b>
		Hợp đồng số 37, ngày 28/2/2012	Đường	1.000	16.600.000.000	16.600.000.000	
		Hợp đồng số 37, ngày 28/2/2012	Đường	1.000	16.500.000.000	16.500.000.000	
<b>4</b>	<b>Công ty TNHH Việt Nga</b>			<b>1.000</b>	<b>16.500.000.000</b>	<b>16.500.000.000</b>	<b>2012</b>
		Hợp đồng số 55, ngày 6/4/2012	Đường	1.000	16.500.000.000	16.500.000.000	
<b>5</b>	<b>Công ty TNHH TM Bình Anh</b>			<b>3.500</b>	<b>50.450.000.000</b>	<b>50.450.000.000</b>	<b>2010</b>
		Hợp đồng số 23 ngày 8/1/2010	Đường	500	7.050.000.000	7.050.000.000	
		Hợp đồng số 27 ngày 16/1/2010	Đường	1.500	22.500.000.000	22.500.000.000	
		Hợp đồng số 42 ngày 27/1/2010	Đường	500	7.900.000.000	7.900.000.000	
		Hợp đồng số 66 ngày 13/5/2010	Đường	1.000	13.000.000.000	13.000.000.000	
<b>6</b>	<b>Công ty TNHH Minh Hiếu</b>			<b>2.000</b>	<b>28.950.000.000</b>	<b>28.950.000.000</b>	<b>2010</b>
		Hợp đồng nguyên tắc số 103 ngày 22/12/09	Đường				
		- Phụ lục HĐ số 01 /HĐNT	Đường	500	7.050.000.000	7.050.000.000	
		- Phụ lục HĐ số 03 /HĐNT	Đường	500	7.500.000.000	7.500.000.000	
		- Phụ lục HĐ số 04 /HĐNT	Đường	500	7.900.000.000	7.900.000.000	



	Hợp đồng số 71/HĐMB ngày 25/5/2010	Đường	500	6.500.000.000	6.500.000.000	
<b>7</b>	<b>Công ty CP Thương mại Nam Việt</b>		<b>1.500</b>	<b>21.536.000.000</b>	<b>21.536.000.000</b>	<b>2010</b>
	Hợp đồng nguyên tắc số 106 ngày 26/12/09	Đường				
	- Phụ lục HĐ số 01 /HĐNT	Đường	300	4.266.000.000	4.266.000.000	
	- Phụ lục HĐ số 02 /HĐNT	Đường	500	7.560.000.000	7.560.000.000	
	- Phụ lục HĐ số 03 /HĐNT	Đường	200	3.160.000.000	3.160.000.000	
	Hợp đồng số 64/HĐMB ngày 13/5/2010	Đường	500	6.550.000.000	6.550.000.000	
<b>8</b>	<b>Công ty TNHH Nguyên Giáp</b>		<b>400</b>	<b>6.060.000.000</b>	<b>6.060.000.000</b>	<b>2010</b>
	Hợp đồng số 26 ngày 11/1/2010	Đường	200	2.960.000.000	2.960.000.000	
	Hợp đồng số 39 ngày 26/1/2010	Đường	200	3.100.000.000	3.100.000.000	
<b>9</b>	<b>Công ty CP bánh kẹo hải Châu</b>		<b>544</b>	<b>8.494.000.000</b>	<b>8.494.000.000</b>	<b>2010</b>
	Hợp đồng số 13/HC ngày 14/1/2010	Đường	200	3.060.000.000	3.060.000.000	
	Hợp đồng số 34 ngày 22/1/2010	Đường	200	3.080.000.000	3.080.000.000	
	Hợp đồng số 53 ngày 9/3//2010	Đường	100	1.650.000.000	1.650.000.000	
	Hợp đồng số 58 ngày 23/3//2010	Đường	44	704.000.000	704.000.000	
<b>10</b>	<b>Công ty Thực phẩm Miền Bắc</b>		<b>200</b>	<b>3.100.000.000</b>	<b>3.100.000.000</b>	<b>2010</b>
	Hợp đồng số 35 ngày 25/1/2010	Đường	200	3.100.000.000	3.100.000.000	
<b>11</b>	<b>Công ty TNHH TM DV Kinh Bắc (Vĩnh Phúc)</b>		<b>200</b>	<b>2.610.000.000</b>	<b>2.610.000.000</b>	<b>2010</b>
	Hợp đồng số 65/HĐMB ngày 13/5/2010	Đường	200	2.610.000.000	2.610.000.000	
<b>12</b>	<b>Công ty TNHH Kim Hà Việt</b>		<b>500</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>2010</b>
	Hợp đồng số 67/HĐMB ngày 13/5/2010	Đường	500	6.500.000.000	6.500.000.000	
<b>13</b>	<b>Doanh nghiệp tư nhân Hùng Nguyên</b>		<b>926</b>	<b>12.038.000.000</b>	<b>12.038.000.000</b>	<b>2010</b>
	Hợp đồng số 68/HĐMB ngày 13/5/2010	Đường	300	3.900.000.000	3.900.000.000	
	Hợp đồng số 69/HĐMB ngày 14/5/2010	Đường	200	2.600.000.000	2.600.000.000	
	Phụ lục HĐ số 01/HĐMB số 69 ngày 16/5/2010	Đường	26	338.000.000	338.000.000	
	Hợp đồng số 72/HĐMB ngày 25/5/2010	Đường	400	5.200.000.000	5.200.000.000	
<b>14</b>	<b>Công ty TNHH Minh Hiếu</b>	Mật ri	2.000	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>2010</b>
<b>15</b>	<b>Doanh nghiệp tư nhân Hiền Nhung</b>	Mật ri	500	<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>	<b>2010</b>
<b>16</b>	<b>Công ty bò sữa Mộc Châu</b>	Mật ri	300	<b>660.880.000</b>	<b>660.880.000</b>	<b>2010</b>

Nguồn: SLS



**7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM GẦN NHẤT****7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2010, 2011 và 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty**

Đơn vị: đồng

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	% tăng, giảm	6 tháng/2012
1	Tổng tài sản	167.949.012.238	247.799.909.993	47,54	248.715.139.620
2	Doanh thu thuần	192.113.154.986	365.324.399.483	90,16	497.940.278.250
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	33.864.958.908	42.162.905.180	24,50	79.906.335.861
4	Lợi nhuận khác	-16.172.422	26.873.890	-	13.440.000
5	Lợi nhuận trước thuế	33.848.786.486	42.189.779.070	24,64	79.919.775.861
6	Lợi nhuận sau thuế	25.386.589.864	34.712.597.928	36,74	60.122.890.711
7	EPS (đồng/cổ phần)	5.077	6.943	36,74	8.842
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	59,09%	28,81%		

*Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC 6 tháng 2012*

Tổng tài sản của Công ty năm 2011 tăng mạnh so với năm 2010 chủ yếu là do năm 2011 Công ty tập trung đầu tư vào tài sản cố định và đầu tư cho vùng nguyên liệu.

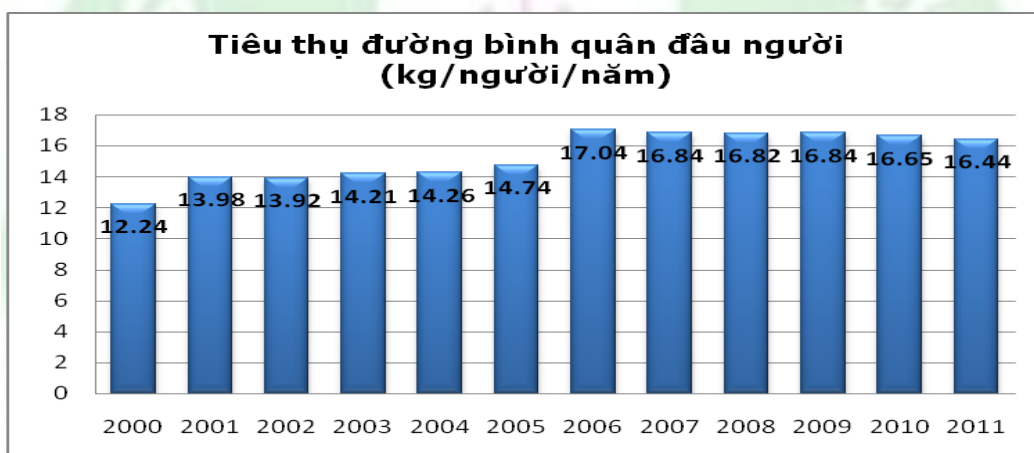
Doanh thu năm 2011 tăng hơn 90% so với năm 2010, tuy nhiên tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán/doanh thu của Công ty cũng đã tăng mạnh trong năm 2011 (từ 72% năm 2010 lên 82% năm 2011). Năm 2011, Công ty tập trung đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu mía và phần đầu mở rộng vùng diện tích nguyên liệu mía lên 4.430 ha cho niên vụ 2011-2012 và 4.500 ha cho niên vụ 2012-2013. Nhằm đạt được kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía, Công ty đã đầu tư nguồn vốn để mua mía giống, phân bón, thuốc sâu và thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân trồng mía, điều này đã khiến cho chi phí giá vốn hàng bán của Công ty trong năm 2011 tăng mạnh, trong đó chi phí giá vốn về mía giống, phân bón, thuốc sâu tăng 2.242,9% so với năm 2010. Tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán tăng mạnh trong năm 2011 đã làm giảm hiệu quả sinh lời của Công ty, điều này được thể hiện rõ ở chỉ tiêu lợi nhuận gộp (lợi nhuận gộp năm 2011 chỉ tăng 23% so với năm 2010). Điều này dẫn đến lợi nhuận năm 2011 chỉ tăng hơn 30% so với năm 2010 trong khi doanh thu năm 2011 của Công ty tăng mạnh so với năm 2010.

6 tháng đầu năm 2012, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt tương ứng 497,9 tỷ đồng và 60,1 tỷ đồng, hoàn thành tương ứng 97,84% và 204,9% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. Nguyên nhân dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 tăng mạnh là do năm 2011, Công ty đã tập trung nguồn lực cho việc đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu mía. Theo đó, 6 tháng đầu năm 2012, Công ty đã phát triển vùng nguyên liệu mía với diện tích 4.430 ha, vượt hơn 150% kế hoạch đặt ra, trong đó tổng sản lượng mía sản xuất được là 265.000 tấn. Cùng với việc đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất đường công suất 2.200 tấn mía/ngày, 6 tháng đầu năm 2012 Công ty đã sản xuất được khoảng 29.000 tấn đường và đã tiêu thụ được 26.318 tấn đường, tăng 100,27% so với cùng kỳ năm trước. Với sản lượng đường tiêu thụ tăng đột biến như vậy, 6 tháng đầu năm 2012, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan so với cùng kỳ năm trước.

## 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011

### Nhân tố thuận lợi:

- Năm 2011, giá đường bình quân tăng 125,3% so với năm 2010 đã dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm 2011 của Công ty đạt kết quả khả quan so với năm 2010 (lợi nhuận sau thuế tăng 36,7%);
- Mức tiêu thụ đường bình quân của Việt Nam trong những năm gần đây có tốc độ tăng trưởng ổn định. Bình quân giai đoạn 2000-2010 tiêu dùng tăng khoảng 3%/năm, năm 2011 đạt 16,44 kg/người/năm, trong khi nhu cầu trong nước mới chỉ đáp ứng được 70-80%; năm 2011, sản lượng đường tiêu thụ của Công ty đã tăng 36,8% so với năm 2010 (từ 10.056 tấn lên 13.754 tấn).



Nguồn: agro.gov.vn

- Việc đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường từ 1.500 TMN lên 2.200 TMN đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Việc kinh doanh vật tư phân bón, nông sản bước đầu đã thu được kết quả khả quan, kinh doanh xăng dầu đã phục vụ kịp thời, hiệu quả cho nhu cầu vận chuyển mía, đường;
- Chính sách phát triển vùng nguyên liệu mía của Công ty phù hợp và gắn với thực tiễn, giá thu mua đã được điều chỉnh linh hoạt nên thu nhập từ cây mía đã cạnh tranh được với các cây trồng khác và kích thích được người trồng mía. Bên cạnh đó, việc thực hiện các dịch vụ phục vụ người trồng mía như cung ứng vật tư, vận chuyển, thanh toán được tổ chức khoa học, kịp thời cộng với thời tiết thuận lợi cho sự phát triển của cây mía, thời gian đủ ẩm cho mía sinh trưởng kéo dài đã giúp cho Công ty mở rộng được vùng nguyên liệu mía như kế hoạch đã đặt ra. Kết quả đã có 2.288 ha mía được trồng mới trong năm 2011, nâng tổng diện tích trồng mía niên vụ 2010-2011 lên 3.053 ha;
- Bộ giống mía mới nhập về trong năm 2011 phù hợp đã cho kết quả tốt và cho năng suất cao (đạt từ 80-110 tấn/ha);
- Chính phủ có những chính sách ưu đãi đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp trong đó có ngành mía đường;



- Đội ngũ cán bộ, công nhân viên đa số đã nhiều năm gắn bó với Công ty có kinh nghiệm quản lý và am hiểu kỹ thuật chuyên ngành sâu sắc.

**Nhân tố bất lợi:**

- Công suất chế biến của nhà máy hiện tại vẫn chưa đáp ứng được với yêu cầu thời vụ, khả năng phát huy năng suất và hiệu suất thu hồi chưa cao, việc đầu tư còn thiếu tính đồng bộ đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Vùng nguyên liệu đã được mở rộng nhưng còn thiếu tính quy hoạch về cơ cấu giống phù hợp với đặc điểm địa lý và khí hậu vùng, vẫn cần phải nâng cao chất lượng đầu tư các bộ giống;
- Một số tuyến đường giao thông vận chuyển mía vừa được sửa chữa hoàn thành đưa vào sử dụng lại bị hư hỏng nặng vì gặp đợt mưa lớn trái vụ kéo dài từ tháng 4/2011-1/2012;
- Vùng nguyên liệu ở khá xa nhà máy, có vùng cách nhà máy 40-50 km, đường vận chuyển xấu dẫn đến mất nhiều thời gian và chi phí cho việc vận chuyển nguyên liệu.
- Biến động tăng giá mía nguyên liệu trong năm đã làm tăng chi phí sản xuất ảnh hưởng đến lợi nhuận kinh doanh trong kỳ.
- Giá nông sản như ngô, cà phê, đậu đen.. trong năm tăng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của lĩnh vực kinh doanh nông sản.

**8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH**

**8.1 Vị thế của Công ty trong ngành**

Hiện nay theo Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, cả nước có khoảng 39 nhà máy đường với tổng công suất nhà máy là 112.000 tấn mía ngày (số liệu vụ ép 2010-2011), như vậy công suất trung bình toàn ngành khoảng 2.870 tấn mía ngày. Công suất tối đa hiện tại của Công ty mới chỉ đạt 2.200 tấn mía ngày thấp hơn công suất trung bình của ngành. Nếu xét về thị phần, sản lượng, công suất, diện tích vùng nguyên liệu của Công ty so với các doanh nghiệp đầu ngành như Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh, Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa....thì vẫn còn khoảng chênh lệch khá lớn, tuy nhiên với tình hình chung của ngành mía đường hiện nay là thiếu trầm trọng nguyên liệu và nguồn cung đường thành phẩm không đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường đã đặt hầu hết các doanh nghiệp trong ngành vào chung một hoàn cảnh đó là không hoạt động hết công suất và thiếu nguồn hàng để bán.

Vấn đề cốt lõi tồn tại trong ngành mía đường Việt Nam mấy năm trở lại đây là tình trạng thiếu hụt nguyên vật liệu nghiêm trọng và đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nguồn cung đường không đủ để đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong ba năm gần đây ngày mía đường chỉ tăng về số lượng, quy mô các nhà máy sản xuất nhưng diện tích trồng mía, sản lượng mía và sản lượng đường đều tụt giảm. Năm 2007, diện tích trồng mía đạt 310.000 ha nhưng đến năm 2010 chỉ còn 271.000 ha dẫn đến sản lượng mía nguyên liệu giảm từ 17,4 triệu tấn xuống còn 16,4 triệu tấn. Niên vụ mía đường 2010-2011, diện tích cả nước đạt trên 271.000 ha, tăng hơn vụ trước 6.300 ha, tuy nhiên chất lượng nguyên liệu mía lại giảm, tỷ lệ

mía/đường bình quân chỉ đạt 10,79 và yếu tố tạp chất cao, điều này làm cho tiêu hao mía/đường lớn. Tổng sản lượng mía tại các nhà máy đường thu mua được là 12,5 triệu tấn, chỉ đáp ứng được 75% tổng công suất thiết kế của các nhà máy (niên vụ mía đường 2009-2010 chỉ đạt 62% công suất). Trong số 39 nhà máy đường chỉ có một số nhà máy có đủ nguyên liệu, nhiều nhà máy hoạt động dưới 50% công suất, thậm chí có nhà máy chỉ đạt 21% hoặc 15,5% công suất.

Ý thức được việc để phát triển nhà máy bền vững phải gắn liền với việc xây dựng vùng nguyên liệu. Chính vì vậy ngay từ khi Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty đã đặt kế hoạch 5 năm 2008-2012 sẽ phát triển vùng mía nguyên liệu lên từ 3.500 – 4.000 ha, đồng thời xây dựng, áp dụng nhiều biện pháp nhằm phát triển mở rộng và nâng cao năng suất vùng nguyên liệu như: làm việc với chính quyền địa phương về quy hoạch vùng nguyên liệu; áp dụng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân trồng mía; nghiên cứu áp dụng các giống mía tốt có năng suất cao; áp dụng chính sách giá và phương thức thu mua linh hoạt.... Vùng nguyên liệu ổn định đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất cộng với việc đầu tư nâng công suất nhà máy sẽ giúp Công ty tăng sản lượng cung ứng cho thị trường đây là cơ hội để Công ty mở rộng thị trường tiêu thụ và khẳng định thương hiệu của mình.

### Kết quả sản xuất niên vụ 2010-2011 của một số doanh nghiệp ngành mía đường

Stt	Công ty	Diện tích (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Công suất thiết kế (TMN)	Sản lượng mía ép (tấn)	Sản lượng đường (tấn)	% sản lượng đường so với cả nước
1	Công ty CP Mía đường Lam Sơn	12.640	60	7.000	756.700	91.000	7,9%
2	Công ty CP Bourbon Tây Ninh	12.178	75	8.000	920.000	81.500	7,1%
3	Công ty CP Đường Ninh Hòa	7.393	53,9	3.000	395.000	39.000	3,4%
4	Công ty CP Đường Biên Hòa	6.548	66	3.500	430.000	35.030	3,0%
5	Công ty CP Mía đường Nhiệt điện gia Lai	5.238	64	2.500	290.000	26.450	2,3%
6	Công ty CP Mía đường 333	4.700	55	1.800	250.000	24.000	2,1%
7	Công ty CP Mía đường Kon Tum	1.913	65,4	1.500	180.000	18.480	1,6%
8	<b>Công ty CP Mía đường Sơn La</b>	<b>3.053</b>	<b>54,6</b>	<b>2.200</b>	<b>125.516</b>	<b>13.755</b>	<b>1,2%</b>
	<b>Cả nước</b>	<b>218.666</b>		<b>112.200</b>	<b>12.470.900</b>	<b>1.150.460</b>	<b>100%</b>

Nguồn: SHS Research

## 8.2. Triển vọng phát triển của ngành

### ✚ Xét từ khía cạnh cung - cầu của thị trường

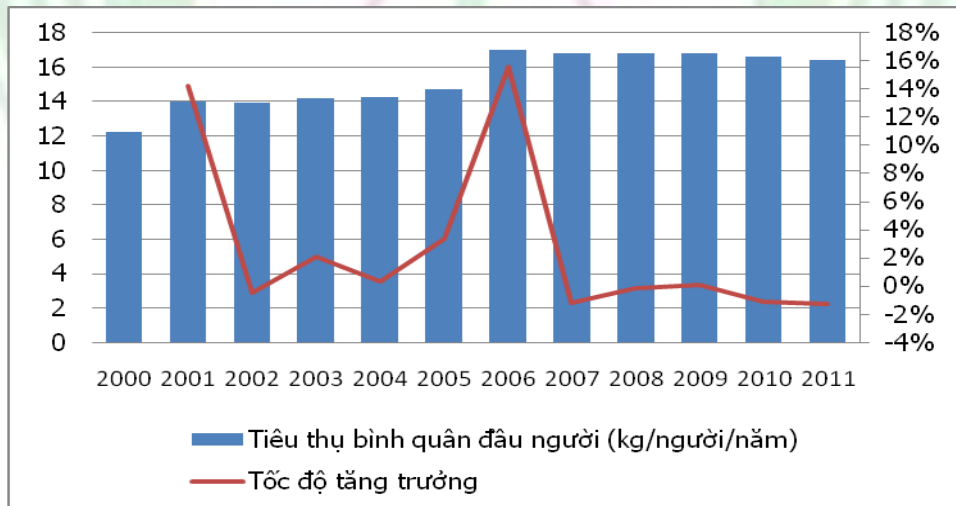
Trong giai đoạn 1995-2009 mức tiêu dùng đường bình quân đầu người tại Việt Nam đã tăng trưởng với mức tốc độ trung bình 4,57% mỗi năm, năm 2010 đạt 17,5kg/người/năm. Tuy nhiên, so với mức tiêu dùng đường bình quân của thế giới khoảng trên

23kg/người/năm thì mức tiêu dùng của Việt Nam còn thấp hơn khá nhiều.

Bên cạnh đó cầu luôn vượt cung, sản xuất trong nước mới chỉ đáp ứng được 70-80% nhu cầu của thị trường. Nhu cầu tiêu dùng đường hàng năm vẫn tăng trong khi sản lượng đường sản xuất trong nước không ổn định dẫn đến cầu về đường luôn vượt cung. Từ năm 2005 trở lại đây, nhu cầu đường đều ở mức trên 1,2 triệu tấn/năm trong khi lượng cung đường lại có xu hướng giảm xuống dưới mức 1 triệu tấn/năm. Như vậy nếu không tính đường nhập khẩu thì thiếu hụt đường ngày càng gia tăng và mức thiếu hụt khoảng 300 đến 400 nghìn tấn đường/năm. Niên vụ 2010-2011, cả nước sản xuất được 1,15 triệu tấn đường, tăng 29% so với niên vụ trước. Với mức tiêu thụ khoảng 1,4-1,5 triệu tấn đường/năm thì lượng đường hiện có không đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, dự kiến sẽ thiếu hụt khoảng 350.000 tấn. Năm 2011, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Hiệp hội Mía đường Việt Nam đã thống nhất việc điều hành cấp hạn ngạch nhập khẩu đường năm 2011 với số lượng 250.000 tấn. Như vậy nếu tính cả lượng đường nhập khẩu theo hạn ngạch là 250.000 tấn nêu trên thì Việt Nam vẫn thiếu hụt một lượng đường rất lớn.

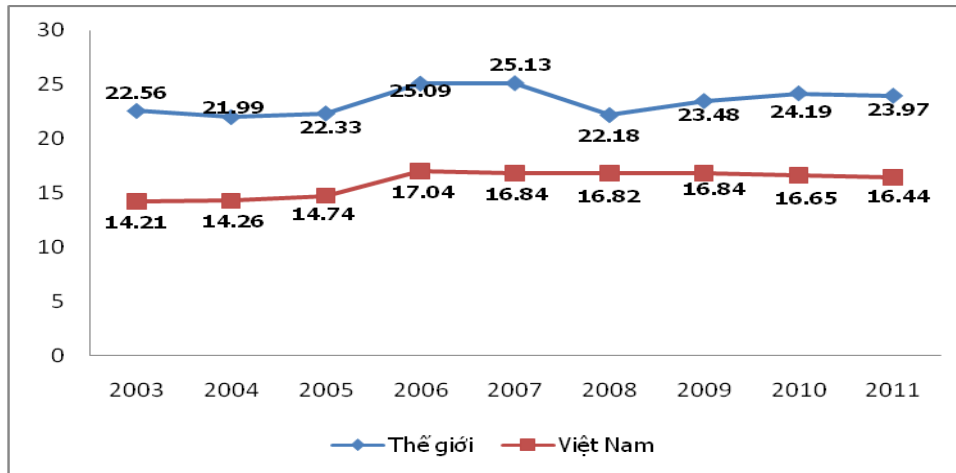
Như vậy với thực trạng cung cầu thị trường đường như hiện tại, sẽ là cơ hội rất lớn dành cho các doanh nghiệp mía đường biết tập trung đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư mở rộng phát triển vùng nguyên liệu nhằm nâng cao sản lượng cũng như chất lượng đầu ra cung cấp cho thị trường đang thiếu hụt này.

**Tiêu dùng đường bình quân của Việt Nam giai đoạn 2000-2011 (kg/người/năm)**



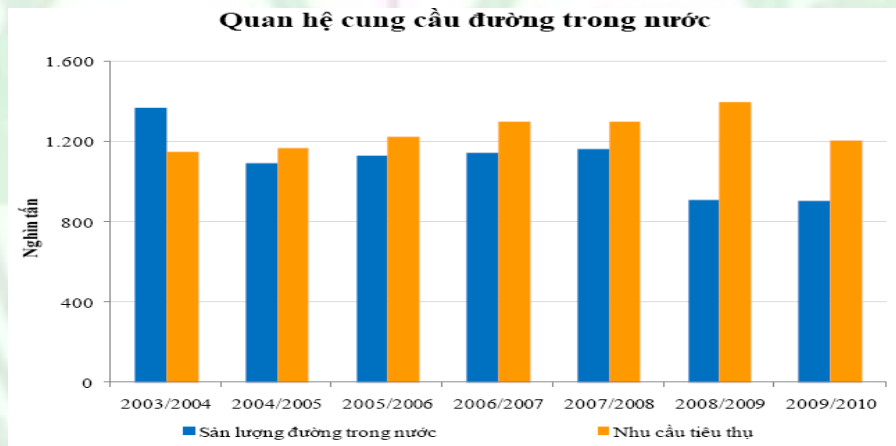
Nguồn: Agrodata

**Tiêu dùng đường bình quân của Việt Nam và Thế giới (kg/người/năm)**



Nguồn: USDA, Population Reference Bureau, SHS Research

### Cung, cầu đường và chênh lệch cung cầu (nghìn tấn) Quan hệ cung cầu đường trong nước



Nguồn: Bộ NN&PTNN, Agrodatta, GSO, SHS Research

#### Xét từ khía cạnh chính sách của Nhà nước

Ngày 15/2/2007 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 26/2007/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch phát triển mía đường đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Theo đó định hướng phát triển đến năm 2020 sản xuất đường sẽ đáp ứng đủ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, mức sản xuất khoảng 2,1 triệu tấn. Đầu tư thâm canh diện tích mía hiện có, mở rộng diện tích ở nơi có điều kiện theo hướng: trồng giống mía mới, áp dụng công nghệ canh tác tiên tiến và đầu tư có tưới. Đến năm 2020 tổng diện tích trồng mía khoảng 300.000 ha, năng suất mía bình quân đạt 80 tấn/ha, chữ đường bình quân 12CCS, sản lượng mía đạt trên 24 triệu tấn, tổng công suất thiết kế của các nhà máy khoảng 120.000 tấn mía ngày. Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch trên Chính phủ đã đưa ra các giải pháp về quy hoạch nhà máy đường, xây dựng vùng nguyên liệu, giải pháp hỗ trợ về khoa học công nghệ, hỗ trợ vốn đầu tư về giống, cơ sở hạ tầng ngoài nhà máy và vùng nguyên liệu, hỗ trợ về tiêu thụ và xúc tiến thương mại... Rõ ràng với sự hỗ trợ trên của Chính phủ sẽ tạo thuận lợi khuyến khích các doanh nghiệp trong ngành phát triển.



### 8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành

Phù hợp với định hướng phát triển của ngành, trong những năm qua Công ty không ngừng tập trung phát triển vùng nguyên liệu, đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị nhằm nâng cao cả về sản lượng lẫn chất lượng sản phẩm, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Cụ thể:

Vụ trồng mía vừa qua Công ty đã thực hiện trồng mới thêm 540 ha mía bằng các giống mía mới, có năng suất và tỷ lệ đường cao, nâng năng suất bình quân lên 54 tấn mía/ha. Việc quy hoạch trồng mía đã được tính toán kỹ với công suất nhà máy 2.200 tấn mía cây/ngày cần có vùng nguyên liệu ổn định 4.400 ha. Để thực hiện kế hoạch đề ra, Công ty dự kiến mức vốn là 50 tỷ đồng để đầu tư mua giống mía, phân vi sinh, phân NPK, thuốc bảo vệ thực vật, vận chuyển giống, làm đất,..., trong đó đầu tư thâm canh chăm sóc cho mía lưu gốc bình quân là 9,5 triệu đồng/ha, đầu tư cho mía trồng mới bình quân là 20 triệu đồng/ha. Đồng thời bố trí đội ngũ cán bộ nông vụ của Công ty hướng dẫn quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc mía, bước đầu Công ty đã thử nghiệm và thành công trong việc thay đổi tập quán canh tác của người trồng mía với việc áp dụng “nhân giống bằng ngọn mía” và đưa vào khai thác sử dụng “02 máy cày đất công suất lớn” đã cày được 280 ha với độ sâu 40-45cm tạo điều kiện cho người trồng mía nâng cao năng suất và chất lượng mía nguyên liệu. Bên cạnh đó Công ty đã nâng giá mía thu mua tại ruộng từ 650 đồng lên 850 đồng/kg, cùng với đó thực hiện chính sách khen thưởng đối với các hộ trồng mía đạt năng suất cao, có diện tích sản lượng cao. Thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ nông dân như ứng trước tiền làm đất, tiền giống, phân bón và hỗ trợ cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn; sửa chữa nâng cấp, cải tạo đường giao thông vùng nguyên liệu mía. Kết quả cho thấy vụ chế biến mía vừa qua Công ty đã đạt mức 9kg mía cây được 1kg đường, tạo việc làm ổn định cho 16 nghìn lao động, trên 4.000 hộ trồng mía có thu nhập cao.

Với cách tiếp cận và nhìn nhận như trên, Công ty Mía đường Sơn La khẳng định đơn vị hoàn toàn chủ động hội nhập với nền kinh tế đang chuyển biến hiện nay và trong những năm kế tiếp sẽ tiếp tục tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, giữ vững thị trường, phát triển nguồn nguyên liệu, nguồn nhân lực để xứng đáng là công ty đại chúng có tính ổn định, bền vững, hiệu quả kinh tế cao.

## 9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### 9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Người lao động của Công ty năng động, sáng tạo, được đào tạo cơ bản và thường xuyên, đoàn kết và gắn bó với Công ty. Tổng số lao động đang làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 30/9/2011 là 306 người. Với chính sách tuyển dụng lao động của mình, Công ty đã tập hợp được một tập thể lao động có chất lượng cao, kỷ luật, đoàn kết, trách nhiệm, sáng tạo, được đào tạo chính quy và bồi dưỡng thường xuyên.



## CƠ CẤU LAO ĐỘNG TRONG TOÀN CÔNG TY

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2011		Tại 30/6/2012	
	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
<b>I. Phân theo trình độ lao động</b>	<b>306</b>	<b>100%</b>	<b>306</b>	<b>100%</b>
1. Trình độ trên đại học	2	0,65%	2	0,65%
2. Trình độ đại học	28	9,15%	28	9,15%
3. Cao đẳng, trung cấp	37	12,09%	37	12,09%
4. Công nhân kỹ thuật	204	66,67%	204	66,67%
5. Sơ cấp	7	2,29%	7	2,29%
6. Lao động khác	28	9,15%	28	9,15%

Nguồn: SLS

**9.2. Chính sách đối với người lao động**

Nhân tố con người từ lâu vẫn được coi là nguồn lực quý giá nhất của Doanh nghiệp. Nguồn nhân lực mạnh không những tạo cho Doanh nghiệp lợi thế cạnh tranh mà còn là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của Doanh nghiệp, do đó lãnh đạo Công ty đã rất chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo nhân lực.

**a. Chính sách tuyển dụng:**

Công ty thực hiện tuyển dụng lao động cả trong nội bộ lẫn bên ngoài Công ty nhằm mục đích tìm được những người có năng lực, trình độ đáp ứng được yêu cầu của công việc đồng thời phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

+ **Trong nội bộ:** Đề bạt các vị trí quản lý, lãnh đạo: Giám đốc, Phó giám đốc Xí nghiệp, Trưởng phòng, phó phòng... đây là lực lượng lao động đã quen với công việc, hiểu biết rõ về công ty, trung thành với công ty.

**+ Thu hút lao động bên ngoài doanh nghiệp:**

Thông qua các phương tiện truyền thông, trung tâm giới thiệu việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm, thông báo tuyển dụng ở các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề... công ty thu hút lao động ở các lĩnh vực: công nhân kỹ thuật, kỹ sư, cử nhân kinh tế, ngoại ngữ, kế toán, ... ưu tiên những cá nhân có kinh nghiệm làm việc.

**b. Chính sách đào tạo:**

Hàng năm, Công ty tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn và đáp ứng được yêu cầu hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, căn cứ vào nhu cầu hoạt động, kế hoạch và quy hoạch cán bộ, Công ty cử người đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ ở trong nước hoặc ngoài nước nhằm tạo điều kiện cho người lao động ngày càng đảm đương tốt công việc được giao.





Người lao động được cử đi học thuộc đối tượng, tiêu chuẩn theo kế hoạch đào tạo hàng năm của Công ty và được thanh toán các chi phí liên quan đến khóa đào tạo theo quy định của Công ty.

**c. Chế độ làm việc**

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật.

Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát đảm bảo đến mức tối đa an toàn vệ sinh lao động, tạo điều kiện tốt nhất về điều kiện làm việc để người lao động phát huy được hiệu quả lao động.

**d. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tiền lương là một yếu tố quan trọng của chi phí sản xuất, nó có quan hệ trực tiếp và tác động nhân quả đối với lợi nhuận của doanh nghiệp. Đối với các chủ doanh nghiệp, tiền lương là một yếu tố của chi phí sản xuất mà mục đích của các chủ doanh nghiệp là lợi nhuận; đối với người lao động, tiền lương nhận được thỏa đáng sẽ là động lực kích thích năng lực sáng tạo để làm tăng năng suất lao động. Khi năng suất lao động tăng thì lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ tăng, từ đó lợi ích của người cung ứng sức lao động cũng tăng theo.

Hơn thế nữa, khi lợi ích của người lao động được đảm bảo bằng mức lương thỏa đáng sẽ tạo ra sự gắn kết người lao động với mục tiêu và lợi ích của doanh nghiệp, xóa bỏ đi sự ngăn cách giữa người sử dụng lao động với người lao động làm cho người lao động có trách nhiệm hơn với hoạt động của doanh nghiệp. Các nhà kinh tế gọi đó là “Phản ứng dây chuyền tích cực” của tiền lương. Ngược lại, khi lợi ích của người lao động không được chú ý đến, tiền lương không thỏa đáng sẽ dẫn đến nguồn nhân lực có thể bị giảm sút cả về số lượng và chất lượng, khi đó năng suất sẽ giảm và lợi nhuận cũng giảm. Do vậy, đối với doanh nghiệp việc xây dựng một hệ thống trả lương để làm sao tiền lương thực sự là một công cụ quản lý doanh nghiệp, một đòn bẩy kinh tế đầy hiệu quả,... đang là yêu cầu đặt ra đối với các doanh nghiệp trong xu thế hiện nay.

Để đảm bảo quyền làm việc, lợi ích và các quyền khác của người lao động, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động, tạo điều kiện cho mối quan hệ lao động được hài hòa và ổn định, góp phần phát huy khả năng sáng tạo và tài năng của người lao động, nhằm đạt năng suất, chất lượng và tiến bộ xã hội trong lao động, sản xuất, hiệu quả trong sử dụng và quản lý lao động. Thực hiện công bằng trong công tác tiền lương, tiền công và tiền thưởng. Phân phối tiền lương theo lao động, chất lượng và hiệu quả công việc, gắn tiền lương với kết quả lao động cuối cùng của từng người, từng bộ phận; thực hiện quản lý chi phí nhân công hiệu quả hơn, góp phần vào sự phát triển chung của Công ty. Hàng năm, Công ty đều nghiên cứu xây dựng quy chế trả lương, tiền thưởng đối với người lao động đảm bảo tính dân chủ, công khai, công bằng, không trả lương mang tính bình quân.



## 10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật. Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Cổ đông sẽ được chia cổ tức theo phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh cho phép Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời gian một lần. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên số 35/NQ-ĐHĐCĐ 2010 ngày 03/7/2010, ĐHĐCĐ đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2009 của Công ty bằng tiền mặt với tỷ lệ 12% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, ĐHĐCĐ đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2010 của Công ty bằng tiền mặt với tỷ lệ 30% vốn điều lệ. Tháng 12/2011, Công ty đã tiến hành trả cổ tức năm 2010 cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt tại ngày 30/11/2011.

Căn cứ Nghị quyết số 130/NQ-HĐQT ngày 28/11/2011 của HĐQT Công ty về việc tạm ứng cổ tức năm 2011, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ cổ tức 20% vốn điều lệ và đã tiến hành chi trả từ ngày 31/3/2012. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, ĐHĐCĐ đã thống nhất thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2011 của Công ty là 20% vốn điều lệ. Năm 2012, Công ty đề ra kế hoạch mức cổ tức trả cho cổ đông tối thiểu là 20% vốn điều lệ.

## 11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Niên độ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 20/2/2008 và kết thúc tại ngày 31/12/2008. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

#### **Trích khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Bắt đầu từ ngày 01/01/2010 Công ty thực hiện trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.



Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

- Nhà xưởng, vật kiến trúc: 10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị: 8 - 13 năm
- Phương tiện vận tải: 6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng: 3 - 12 năm

### **Mức lương bình quân**

Năm 2011, mức thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tại Công ty là 4,6 triệu đồng/tháng, đây là mức thu nhập khá so với doanh nghiệp cùng ngành cũng như các doanh nghiệp trong cùng địa phương.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1	Tổng quỹ lương	Đồng	9.087.902.000	12.005.000.000	17.082.148.310
2	Các khoản thưởng	Đồng	705.001.000	2.233.649.000	
3	Tổng thu nhập	Đồng	35.226.264	14.238.649.000	17.082.148.310
4	Tiền lương bình quân	Đồng/tháng	2.724.000	3.946.000	4.222.398
5	Thu nhập bình quân	Đồng/tháng	2.935.522	4.119.000	4.652.001

Nguồn: SLS

### **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện nghiêm túc các khoản nợ đến hạn.

### **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế TNDN, thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của Nhà nước.

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/12/2011:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Thuế Giá trị gia tăng	815.245.082	271.983.668	7.916.839.543
Thuế thu nhập cá nhân	73.530.054	32.727.800	203.193.137
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.215.411.490	9.895.355.097	25.433.624.297
<b>Cộng</b>	<b>8.104.186.626</b>	<b>10.200.066.565</b>	<b>33.553.656.977</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC 6 tháng/2012

### **Trích lập các quỹ**

Sau khi kết thúc niên độ tài chính, Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Các quỹ như: Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ dự phòng tài chính; Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng ban điều hành... sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty. Phương án trích lập các quỹ năm 2011 như sau:



## PHƯƠNG ÁN TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2011

Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ so với LNST
Quỹ Dự phòng tài chính (5%)	1.735.629.896	5%
Quỹ Đầu tư phát triển (10%)	3.471.259.793	10%
Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (8%)	2.777.007.838	8%
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.356.362.101</b>	<b>23%</b>

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2012

## SỐ DƯ CÁC QUỸ TẠI CÁC THỜI ĐIỂM 31/12/2010, 31/12/2011, 30/06/2012

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0	0
Quỹ Đầu tư phát triển	3.890.817.762	7.362.077.556	7.362.077.556
Quỹ dự phòng tài chính	1.945.408.881	3.681.038.777	3.681.038.777
Quỹ khen thưởng phúc lợi	83.824.035	2.836.683.827	2.191.181.873

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC 6 tháng/2012

Tổng dư nợ vay ngắn hạn

Đơn vị: VNĐ

Vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	31/12/2010	31/12/2011	30/6/2012
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>29.124.909.282</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>0</b>
Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Sơn La <sup>(1)</sup>	20.000.000.000	12.000.000.000	0
Ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Sơn La	9.124.909.282	0	0
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.124.909.282</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>0</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC 6 tháng 2012

(1)Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương, chi nhánh Sơn La, hợp đồng tín dụng số 06.46/2011/HDTD ngày 26/12/2011. Hạn mức cho vay không có tài sản đảm bảo 20.000.000.000 đồng, lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay 12 tháng, mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu:

Chỉ tiêu	31/12/2010 (VND)	31/12/2011 (VND)	6 tháng 2012 (VND)
Phải thu của khách hàng	382.363.012	2.683.510.000	5.512.776.502
Trả trước cho người bán	12.165.252.541	7.152.679.713	3.972.638.378



Phải thu khác (*)	34.364.348.008	67.163.669.607	62.318.889.648
Dự phòng phải thu khó đòi (**)	(2.037.658.893)	(2.037.658.893)	(2.037.658.893)
<b>Cộng</b>	<b>44.874.304.668</b>	<b>74.962.200.427</b>	<b>69.766.645.635</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC 6 tháng 2012

**(\*) Khoản phải thu khác**

Khoản mục	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Bảo hiểm xã hội	57.259.389	59.881.252	783.135.045
Phải thu tiền đầu tư vùng nguyên liệu <sup>(1)</sup>	30.222.709.449	64.073.146.683	55.954.275.666
Phải thu tiền hàng cửa hàng xăng dầu	1.207.468.927	1.966.041.660	5.581.478.937
Chi phát triển vùng nguyên liệu	101.204.918	0	
Phải thu Xí nghiệp Kinh doanh nông sản	0	0	
Phải thu Công ty Nông nghiệp Tô Hiệu – Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000	
Công ty TNHH Tư vấn và chuyên giao công nghệ CDT	0	59.600.000	
Phải thu khác	1.268.200	5.000.012	
<b>Cộng</b>	<b>34.364.348.008</b>	<b>67.163.669.607</b>	<b>62.318.889.648</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC 6 tháng 2012

<sup>(1)</sup> Khoản phải thu khác của Công ty chủ yếu là khoản phải thu tiền đầu tư vùng nguyên liệu, đây là khoản Công ty đầu tư cho người dân trồng mía nhằm cung cấp nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất của Công ty. Khoản tiền đầu tư này sẽ được quyết toán sau mỗi vụ ép bằng cách trừ vào số mía người dân trồng cung cấp cho Công ty.

Khả năng thu hồi khoản phải thu này được Công ty đánh giá là trong khả năng kiểm soát ngoại trừ khoản nợ phải thu khó đòi 2.037.658.893 đồng từ năm 2008 đã được trích lập dự phòng 100% giá trị. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không phát sinh thêm các khoản phải thu khó đòi khác.

**(\*\*) Dự phòng phải thu khó đòi**

Khoản dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập đối với các khoản phải thu tiền đầu tư cho người dân phát triển vùng trồng mía cung cấp cho nhà máy, do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh gây làm người dân mất khả năng thanh toán hoàn trả vốn cho Công ty. Chi tiết như sau:

Đối tượng nợ	Dư nợ khó đòi (đồng)
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và tài nguyên môi trường	50.000.000
Công ty Lắp máy Cô ma	34.878.000
Công ty Lắp máy Điện nước Gia Lâm Hà Nội	196.997.231
Công ty Xuất khẩu Máy Hà Nội	31.370.472



Công ty Xây dựng và Phát triển nông thôn	9.820.000
Công ty Xây dựng số 1 Hà Nội	20.000.000
Trung tâm triển khai công nghệ mới	210.000.000
Xí nghiệp Nguyên liệu:	1.484.593.190
<i>Dư nợ do các hộ trồng mía chuyển sang dùng cây cao su</i>	<i>45.524.000</i>
<i>Dư nợ chuyển sang dự án gạch ngói Chiềng Mung</i>	<i>89.854.500</i>
<i>Dư nợ do các hộ ngập úng, bão lũ năm 2008</i>	<i>179.109.248</i>
<i>Dư nợ do các chủ hộ chết, bỏ trốn</i>	<i>95.903.666</i>
<i>Dư nợ do các hộ đã bị thu hồi đất sản xuất do vỡ nợ</i>	<i>171.456.585</i>
<i>Dư nợ do các hộ bị sưng muối, hạn hán</i>	<i>902.745.191</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.037.658.893</b>

**Các khoản phải trả:**

Chỉ tiêu	31/12/2010 (VND)	31/12/2011 (VND)	30/6/2012 (VND)
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>88.752.310.397</b>	<b>130.602.211.765</b>	<b>85.684.673.204</b>
Vay và nợ ngắn hạn	29.124.909.282	12.000.000.000	0
Phải trả cho người bán	18.017.088.894	51.702.568.528	3.701.472.137
Người mua trả tiền trước	12.751.373.465	35.853.249.217	18.187.009.750
Các khoản thuế phải nộp	8.104.186.626	10.200.066.565	33.553.656.977
Phải trả CB CNV	2.213.032.996	244.320.000	11.727.969.581
Chi phí phải trả <sup>(*)</sup>	14.153.124.522	15.420.664.650	12.409.996.443
Phải trả phải nộp khác <sup>(**)</sup>	4.304.770.577	2.344.658.978	3.913.386.443
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	83.824.035	2.836.683.827	2.191.181.873
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>218.073.000</b>	<b>17.577.731.252</b>	<b>491.415.588</b>
Vay và nợ dài hạn <sup>(***)</sup>	0	17.086.315.664	0
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	218.073.000	491.415.588	491.415.588
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.970.383.397</b>	<b>148.179.943.017</b>	<b>86.176.088.792</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC 6 tháng 2012

(\*\*\*) *Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình, Chi nhánh Sơn La, Phòng giao dịch Mai Sơn. Hợp đồng tín dụng số 132/2011/TX/XII.1 ngày 14/10/2011. Số tiền cho vay 30 tỷ đồng, mục đích cho vay đầu tư dự án nâng công suất dây chuyền chế biến đường từ 1.500 TMN lên 2.200 TMN, thời hạn vay 36 tháng kể từ lần rút vốn đầu tiên. Lãi suất trong hạn 20,5%/năm tính từ ngày 14/10/2011, lãi suất quá hạn 150%. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn đầu tư dự án (bao gồm vốn tự có và vốn vay), toàn bộ quyền sử dụng đất và các công trình tài sản gắn liền với đất đã hình thành.*

(\*\*) **Phải trả phải nộp khác:**



Khoản mục	31/12/2010 (VND)	31/12/2011 (VND)	30/06/2012 (VND)
Kinh phí công đoàn	184.773.000	0	206.259.021
Bảo hiểm xã hội	15.822.876	0	2.313.575.129
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	960.000.000	622.500.000	677.250.000
Tiền cổ tức tạm tính phải trả	0	0	
Phải trả chi nhánh xí nghiệp thức ăn chăn nuôi	135.000.000	0	
Tiền tài trợ xây dựng trường tiểu học	2.991.459.768	1.599.992.000	
Phải trả khác	17.714.933	122.166.978	716.302.293
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.304.770.577</b>	<b>2.344.658.978</b>	<b>3.913.386.443</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC 6 tháng/2012

(\*) Chi phí phải trả:

Khoản mục	31/12/2010 (VND)	31/12/2011 (VND)	30/06/2012 (VND)
Lãi vay phải trả DATC	3.002.342.246	10.924.068.443	5.924.068.443
Chi phí phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La	10.924.068.443	0	0
Chi phí khuyến khích phát triển vùng nguyên liệu mía	58.306.340	4.496.596.207	6.485.928.000
Chi phí trả lãi vay ngân hàng Công thương	168.407.493	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.153.124.522</b>	<b>15.420.664.650</b>	<b>12.409.996.443</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC 6 tháng/2012

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

Khoản mục	31/12/2010 (VND)	31/12/2011 (VND)	30/06/2012 (VND)
Công ty Cổ phần Xi măng Bắc Cạn	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Hữu nghị Đà Nẵng	5.500.000.000	0	0
Công ty Cổ phần Sứ Cosami	2.500.000.000	0	0
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		0	59.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>62.500.000.000</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC 6 tháng/2012

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Khoản mục	31/12/2010 (VND)	31/12/2011 (VND)	30/06/2012 (VND)
Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC 6 tháng/2012



Mua 300.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc.

Theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp, theo đó do Công ty không thể xác định được giá trị thị trường của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc tại thời điểm lập báo cáo nên không thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

## 11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,34	1,35
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,83	0,77
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,53	0,59
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,13	1,48
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,77	4,97
	- Doanh thu thuần/tổng tài sản	Lần	1,14	1,76
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>			
	- Hệ số LN sau thuế/DT thuần	%	13,21	9,50
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	37,16	38,87
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	18,20	16,70
	- Hệ số LN từ hoạt động SXKD/DT thuần	%	17,62	11,54

## 12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC

### 12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

#### ❖ Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Phạm Ngọc Thao

1. Họ và tên : **PHẠM NGỌC THAO**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 20/5/1957
4. Nơi sinh : Hưng Đạo, Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương
5. CMND : 012886450 do Công an Hà Nội cấp ngày 21/7/2006
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh





8. Quê quán : Hưng Đạo, Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương  
 9. Địa chỉ thường trú : Số 15B, Ngõ 11, đường 800A, Cầu Giấy, Hà Nội  
 10. Chỗ ở hiện tại : Số 15B, Ngõ 11, đường 800A, Cầu Giấy, Hà Nội  
 11. Số điện thoại liên lạc : 0913.593.497/ 04.39743247  
 12. Trình độ văn hóa : 12/12  
 13. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế  
 14. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
T4/1985 đến 1987	Cán bộ chuyên viên, Phó trưởng phòng Tổng Công ty Xuất nhập khẩu đầu tư tỉnh Hải Hưng.
1988-1989	Trưởng phòng KHNV Công ty Nông sản thực phẩm xuất khẩu tỉnh Hải Hưng.
1990-1992	Phó Giám đốc Công ty Chế biến Nông sản thực phẩm xuất khẩu tỉnh Hải Hưng (sau là Tỉnh Hải Dương).
1993-1997	Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Công ty Chế biến Nông sản thực phẩm xuất khẩu tỉnh Hải Hưng (sau là Tỉnh Hải Dương).
1998 - T11/2000	Phó Giám đốc phụ trách, Phó Bí thư Ban cán sự Đảng, Bí thư Đảng ủy Sở Thương mại và du lịch tỉnh Hải Dương.
T12/2000 - 2005	Ban Vật giá chính phủ (Chuyên viên chính 9/9, Phó trưởng phòng giá Nông sản Thủy sản - Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính.
T1/2006 - đến nay	Giám đốc Trung tâm giao dịch, đầu tư, tư vấn mua bán nợ và tài sản thuộc Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC) – Bộ Tài chính.

15. Chức vụ hiện nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La  
 16. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Giám đốc Trung tâm Giao dịch, Đầu tư, Tư vấn mua bán nợ và tài sản  
 17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 18. Các khoản nợ đối với công ty : Không  
 19. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT Công ty CP Mía đường Sơn La  
 20. Lợi ích liên quan đối với công ty : Không  
 21. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 5.440 cổ phần chiếm 0,08% tổng số cổ phần của Công ty  
 22. Số cổ phần đại diện DATC : 1.867.350 cổ phần chiếm 27,46% tổng số cổ phần của Công ty  
 23. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty:



- Phạm Thị Duyên (Vợ) : 24.153 cổ phần chiếm 0,35% tổng số cổ phần của Công ty.
- Phạm Thị Ngọc Quyên (con) : 1.360 cổ phần chiếm 0.02% tổng số cổ phần của Công ty.

❖ **Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Trần Văn Thành**

1. Họ và tên : **TRẦN VĂN THÀNH**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 1953
4. Nơi sinh : Xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc
5. CMND : Số 050324667 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 20/8/1993
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú : Tiểu khu 4, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
9. Chỗ ở hiện tại : Tiểu khu 4, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
10. Số điện thoại liên lạc : 0913275759
11. Trình độ văn hóa : 10/10
12. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
11/1975 - 08/1998	Cán bộ phòng Cơ Khí thuộc Nông trường Quốc doanh Tô Hiệu, Sơn La
09/1988 - 12/1995	Xưởng trưởng xưởng Cơ khí thuộc Nông trường Quốc doanh Tô Hiệu, Sơn La
01/1996 - 12/1997	Phó Ban mía đường thuộc Nông trường Quốc doanh Tô Hiệu, Sơn La
01/1998 - 03/2000	Trưởng phòng Kỹ thuật thuộc Công ty Mía đường Sơn La.
04/2000 - 02/2008	Phó giám đốc, Công ty Mía đường Sơn La
03/2008 – 04/2011	Ủy viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc Công ty
05/2011- nay	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty

14. Chức vụ hiện nay : Thành viên hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
15. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
17. Các khoản nợ đối với công ty : Không



18. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao Hội đồng quản trị
19. Lợi ích liên quan đối với công ty : Không
20. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 14.642 chiếm tỷ lệ 0,22% vốn điều lệ
21. Số cổ phần đại diện : Không
22. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

❖ **Ủy viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Anh Tú**

1. Họ và tên : NGUYỄN ANH TÚ
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 18/9/1974
4. Nơi sinh : Hà Tĩnh
5. CMND : Số 013327633 cấp ngày 24/7/2010 tại CA Hà Nội
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú : 1502 A8, Bùi Ngọc Dương, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
9. Chỗ ở hiện tại : 1502 A8, Bùi Ngọc Dương, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc : 0903364224
11. Trình độ văn hóa : 12/12
12. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1996 - 4/2001	Chuyên viên Công ty lắp máy Điện nước – Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng (LICOGI)
5/2001 - 7/2006	Kế toán trưởng Công ty Xây dựng LICOGI 16 - Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng (LICOGI)
8/2006 - 11/2006	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI 16 - Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng (LICOGI)
11/2006 đến nay	Phó trưởng phòng Mua bán nợ Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp

14. Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
15. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Phó trưởng phòng Mua bán nợ Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Kontum
16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
17. Các khoản nợ đối với công ty : Không
18. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT Công ty CP Mía đường Sơn La
19. Lợi ích liên quan đối với công ty : Không



20. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 4.080 cổ phần chiếm 0,06% tổng số cổ phần của Công ty
21. Số cổ phần đại diện cho DATC : 1.360.050 cổ phần chiếm 20% tổng số cổ phần của Công ty
22. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

❖ **Ủy viên Hội đồng quản trị – Ông Cổ Trí Dũng**

1. Họ và tên : **CỔ TRÍ DŨNG**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 22/05/1957
4. Nơi sinh : Quảng Trị
5. CMND : 023762993
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú : 304/65 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
9. Chỗ ở hiện tại : 304/65 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
10. Số điện thoại liên lạc : 0903031767
11. Trình độ văn hóa : 10/10
12. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Hóa
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1982-1997	Phó giám đốc Công ty Đường Hiệp Hòa – Long An
1997-1999	Phó giám đốc Công ty Đường Bình Dương – Bình Dương
2000 - 2006	Phó phòng kỹ thuật – Tổng Công ty Mía đường II – TP HCM
2006 – 5/2010	Giám đốc Nhà máy Còn Xuân Lộc – Đồng Nai
5/2010- Đến nay	Giám đốc Đầu tư Công ty TNHH Kim Hà Việt – TP HCM Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng

14. Chức vụ hiện nay : Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
15. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Giám đốc đầu tư Công ty TNHH Kim Hà Việt  
Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng
16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
17. Các khoản nợ đối với công ty : Không
18. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao Hội đồng quản trị



19. Lợi ích liên quan đối với công ty : Không  
 20. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : Không  
 21. Số cổ phần đại diện : Không  
 22. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

❖ **Ủy viên Hội đồng quản trị - Bà Trần Thị Thái**

1. Họ và tên : **TRẦN THỊ THÁI**  
 2. Giới tính : Nữ  
 3. Ngày sinh : 11/9/1939  
 4. Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh  
 5. CMND : 021895781 cấp ngày 15/5/2000 tại CA Hồ Chí Minh  
 6. Quốc tịch : Việt Nam  
 7. Dân tộc : Kinh  
 8. Địa chỉ thường trú : 48 Trần Chánh Chiểu, phường 14 quận 5 TP Hồ Chí Minh  
 9. Chỗ ở hiện tại : 48 Trần Chánh Chiểu, phường 14 quận 5 TP Hồ Chí Minh  
 10. Số điện thoại liên lạc : 0938.336.699  
 11. Trình độ văn hóa : 10/10  
 12. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
 13. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1976 – 1995	Kinh doanh lương thực thực phẩm
1995 – 2003	Chủ doanh nghiệp tư nhân
2003 – nay	Giám đốc Công ty TNHH Kim Hà Việt

14. Chức vụ hiện nay : Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La  
 Giám đốc Công ty TNHH Kim Hà Việt  
 15. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Kontum  
 16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 17. Các khoản nợ đối với công ty : Không  
 18. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao Hội đồng quản trị  
 19. Lợi ích liên quan đối với công ty : Không  
 20. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 1.865.320, chiếm 27,43% tổng số cổ phần của Công ty  
 21. Số cổ phần đại diện : Không



22. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

**12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát**

**❖ Trưởng Ban kiểm soát – Ông Đinh Hữu Trung**

- 1. Họ và tên : **ĐINH HỮU TRUNG**
- 2. Giới tính : Nam
- 3. Ngày sinh : 28/10/1975
- 4. Nơi sinh : Hà Nội
- 5. CMND : 011976741 do Công an Hà Nội cấp ngày 30/11/2011
- 6. Quốc tịch : Việt Nam
- 7. Dân tộc : Kinh
- 8. Quê quán : Thanh Nghị, Thanh Liêm, Hà Nam
- 9. Địa chỉ thường trú : P108, B9 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- 10. Chỗ ở hiện tại : P108, B9 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- 11. Số điện thoại liên lạc : 0908156886
- 12. Trình độ văn hóa : 12/12
- 13. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- 14. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1998 - 4/2006	Chuyên viên Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển xi măng - Tổng Công ty xi măng Việt Nam.
5/2006 đến nay	Chuyên viên phụ trách, Phó Phòng phụ trách Phòng Mua bán nợ Trung tâm Giao dịch, Đầu tư, Tư vấn mua bán nợ và tài sản - Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC).

- 15. Chức vụ hiện nay : Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La  
Phó Phòng phụ trách Phòng Mua bán nợ Trung tâm Giao dịch, Đầu tư, Tư vấn mua bán nợ và tài sản - Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC); Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần xi măng Bắc Kan-DATC; Ủy viên HĐQT Công ty CP Công trình giao thông 134.
- 16. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần xi măng Bắc Kan-DATC; Ủy viên HĐQT Công ty CP Công trình giao thông 134.
- 17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 18. Các khoản nợ đối với công ty : Không
- 19. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao BKS Công ty CP Mía đường Sơn La
- 20. Lợi ích liên quan đối với công ty : Không



21. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 2.720 cổ phần chiếm 0,04% tổng số cổ phần của Công ty
22. Số cổ phần đại diện : Không
23. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

❖ **Ủy viên Ban Kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Kim Vân**

1. Họ và tên : **NGUYỄN THỊ KIM VÂN**
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày sinh : 1986
4. Nơi sinh : Quảng Bình
5. CMND : 233070402
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán : Quảng Bình
9. Địa chỉ thường trú : 29 Nguyễn Thiện Thuật, Kontum
10. Chỗ ở hiện tại : Số 7 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
11. Số điện thoại liên lạc :
12. Trình độ văn hóa : 12/12
13. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
14. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
2008 – 7/2010	Trợ lý kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán Price Waterhouse Coopers Việt Nam
8/2010 – 2011	Kiểm soát nội bộ Ngân hàng ANZ Việt Nam
1/2011 – nay	Nhân viên Đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt

15. Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
16. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn
17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
18. Các khoản nợ đối với công ty : Không
19. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao BKS Công ty CP Mía đường Sơn La
20. Lợi ích liên quan đối với công ty : Không



21. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : Không  
 22. Số cổ phần đại diện : Không  
 23. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

❖ **Ủy viên Ban kiểm soát – Ông Đào Việt Tuấn Dũng**

1. Họ và tên : **ĐÀO VIỆT TUẤN DŨNG**  
 2. Giới tính : Nam  
 3. Ngày sinh : 1978  
 4. Nơi sinh : Xã Chiềng Pắc, Thuận Châu, Sơn La  
 5. CMND : 050341171; Ngày cấp 09/7/2004; Nơi cấp: Sơn La.  
 6. Quốc tịch : Việt Nam  
 7. Dân tộc : Kinh  
 8. Địa chỉ thường trú : Tiểu khu Xi Măng, Chiềng Pắc, Thuận Châu, Sơn La  
 9. Chỗ ở hiện tại : Tổ 3, P.Quyết Thắng, TP.Sơn La, tỉnh Sơn La  
 10. Số điện thoại liên lạc : 0983849159  
 11. Trình độ văn hóa : 12/12  
 12. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
 13. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
01/2001 - 12/2005	Nhân viên phòng Tài vụ, Công ty Mía đường Sơn La.
01/2006 - 02/2008	Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi và Chế biến Nông Sản., thuộc Công ty Mía đường Sơn La
03/2008 - 10/2009	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
11/2009 – 03/2011	Thành viên Ban kiểm soát, Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
03/2011 - đến nay	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách

14. Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La  
 15. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không  
 16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 17. Các khoản nợ đối với công ty : Không  
 18. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao Ban kiểm soát  
 19. Lợi ích liên quan đối với công ty : Không





20. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 680 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ
21. Số cổ phần đại diện : Không
22. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty:  
Đào Tiến Trung (em trai) nắm giữ 1.088 cổ phần.

### 12.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

❖ Tổng giám đốc công ty – Ông Trần Văn Thành (đã trình bày ở mục 12.1)

❖ Phó Tổng giám đốc – Ông Nguyễn Văn Sở

1. Họ và tên : NGUYỄN VĂN SỞ
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 1959
4. Nơi sinh : xã Tân Phúc, Ân Thi, Hưng Yên
5. CMND : số 050312161 do Công an Sơn La cấp ngày 01/8/2006
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú : Tiểu khu 19 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
9. Chỗ ở hiện tại : Tiểu khu 19 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
10. Số điện thoại liên lạc : 0915081399
11. Trình độ văn hóa : 10/10
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông nghiệp
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
09/1977 - 08/1982	Công nhân thuộc Nông trường Quốc doanh Tô Hiệu, Sơn La
09/1982 - 12/1985	Đi Bộ đội tại C16, E82, F379 Lào
01/1986 - 12/1996	Cán bộ phòng Tổ chức thuộc Nông trường QĐ Tô Hiệu, Sơn La
01/1997 - 05/2004	Cán bộ khuyến nông, phòng Nông vụ, Công ty Mía đường Sơn La
06/2004 - 02/2008	Phó phòng Nông vụ, Công ty Mía đường Sơn La
03/2008 - 11/2009	Giám đốc Xí nghiệp Nguyên Liệu, Công ty CP Mía đường Sơn La.
11/2009 - đến nay	Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.

14. Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc  
Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy Công ty
15. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Ủy viên BCH Đảng bộ huyện Mai Sơn
16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không



17. Các khoản nợ đối với công ty : Không  
 18. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không  
 19. Lợi ích liên quan đối với công ty : Không  
 20. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 3.624 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,053% vốn điều lệ  
 21. Số cổ phần đại diện : Không  
 22. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

❖ **Phó Tổng giám đốc – Ông Lê Quang Như**

1. Họ và tên : **LÊ QUANG NHỰ**  
 2. Giới tính : Nam  
 3. Ngày sinh : 1955  
 4. Nơi sinh : Xã Bình Hòa, Giao Thủy, Nam Định  
 5. CMND : số 050375268 do Công an Sơn La cấp ngày 21/9/1997  
 6. Quốc tịch : Việt Nam  
 7. Dân tộc : Kinh  
 8. Địa chỉ thường trú : Tiểu khu 20 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La  
 9. Chỗ ở hiện tại : Tiểu khu 20 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La  
 10. Số điện thoại liên lạc : 092394720  
 11. Trình độ văn hóa : 10/10  
 12. Trình độ chuyên môn : Trung cấp quản lý  
 13. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
08/1973 - 09/1983	Công nhân Cơ khí thuộc Nông trường QĐ Tô Hiệu, Sơn La
10/1983 - 10/1985	Học Trung cấp quản lý, trường Quản lý cán bộ - Bộ NN & PTNT
11/1985 - 09/1988	Học Trung cấp chính trị tại trường Đảng - Sơn La
10/1988 - 12/1989	Xưởng phó xưởng chế biến thuộc Nông trường QĐ Tô Hiệu.
01/1990 - 12/1995	Bí thư Đoàn TNCSHCM, Nông trường Quốc doanh Tô Hiệu.
01/1996 - 12/1997	Ban Mía đường, Công ty Mía đường Sơn La.
01/1998 - 12/2000	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty Mía đường Sơn La
01/2001 - 10/2003	Trưởng phòng Nông vụ, Công ty Mía đường Sơn La.
11/2003 - 09/2004	Trưởng phòng Đầu tư XDCB, Công ty Mía đường Sơn La.
10/2004 - 02/2008	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty Mía đường Sơn La
03/2008 - 10/2009	Trưởng phòng TCHC, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
11/2009 - đến nay	Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.

14. Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc; Chủ tịch công đoàn Công ty  
 15. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Phó Bí thư Đảng ủy Công ty;  
 Ủy viên Ban thường vụ công đoàn ngành Nông



ng nghiệp & PTNT tỉnh Sơn La;

16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
17. Các khoản nợ đối với công ty : Không
18. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
19. Lợi ích liên quan đối với công ty : Không
20. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 11.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,16% vốn điều lệ
21. Số cổ phần đại diện : Không
22. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

❖ **Phó Tổng giám đốc - Ông Đặng Xuân Phúc**

1. Họ và tên : **ĐẶNG XUÂN PHÚC**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 1977
4. Nơi sinh : Thị trấn Hát Lót, Mai Sơn, Sơn La
5. CMND : số 050333833 do Công an Sơn La cấp ngày 24/05/1994
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú : Tiểu khu 20 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
9. Chỗ ở hiện tại : Tiểu khu 20 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
10. Số điện thoại liên lạc : 0977584188
11. Trình độ văn hóa : 12/12
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hóa thực phẩm
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
01/2000 - 05/2000	Nhân viên phòng Kỹ thuật, Công ty Mía đường Sơn La.
06/2001 - 12/2002	Phó Quản đốc phân xưởng Chế Luyện, Công ty Mía đường Sơn La.
01/2003 - 12/2003	Phó Quản đốc phân xưởng Đường, Công ty Mía đường Sơn La.
01/2004 - 02/2008	Nhân viên phòng Kinh tế kỹ thuật, Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
03/2008 - 06/2010	Phó giám đốc Xí nghiệp Chế biến Đường, Công ty CP Mía đường Sơn La
07/2010 - đến nay	Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.

14. Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc  
Đảng ủy viên
15. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không



17. Các khoản nợ đối với công ty : Không
18. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
19. Lợi ích liên quan đối với công ty : Không
20. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 952 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,014% vốn điều lệ
21. Số cổ phần đại diện : Không
22. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty:  
 Chị gái Đặng Thị Thanh Nga nắm giữ 1.360 cổ phần  
 Anh trai Đặng Lâm Hùng nắm giữ 31.824 cổ phần

❖ **Trưởng phòng Kế toán - Ông Nguyễn Văn Dịch.**

1. Họ và tên : **NGUYỄN VĂN DỊCH**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 1959
4. Nơi sinh : xã Mỹ Hà, Mỹ Lộc, Nam Định
5. CMND : số 050745743 do Công an Sơn La cấp ngày 09/07/2008
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú : Tiểu khu 20 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
9. Chỗ ở hiện tại : Tiểu khu 20 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
10. Số điện thoại liên lạc : 0912394703
11. Trình độ văn hóa : 10/10
12. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
06/1977 - 12/1983	Đi Bộ đội thuộc F 571 - Tổng Cục Hậu cần.
01/1984 - 03/1992	Quản lý kế toán Bệnh xá Nông trường QĐ Tô Hiệu, Sơn La.
04/1992 - 06/1997	Chuyên viên Kế toán phòng Tài vụ, Nông trường QĐ Tô Hiệu, Sơn La
07/1997 - 02/2008	Kế toán trưởng, Công ty Mía đường Sơn La
03/2008 - đến nay	Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty CP Mía đường Sơn La

14. Chức vụ hiện nay : Trưởng phòng kế toán  
 Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy Công ty  
 Hội trưởng Hội cựu chiến binh Công ty
15. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
17. Các khoản nợ đối với công ty : Không



18. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không  
 19. Lợi ích liên quan đối với công ty : Không  
 20. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 4.216 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,062% vốn điều lệ  
 21. Số cổ phần đại diện : Không  
 22. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

**13. TÀI SẢN****13.1. Giá trị tài sản cố định****GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2010***Đơn vị: đồng*

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>I.</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>85.877.338.966</b>	<b>43.473.764.749</b>	<b>42.403.574.217</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	40.723.238.892	13.020.474.868	27.702.764.024
2	Máy móc thiết bị	42.017.496.575	29.259.486.523	12.758.010.052
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.167.413.309	869.267.372	1.298.145.937
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	969.190.190	324.535.986	644.654.204
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.111.257.069</b>	<b>109.345.573</b>	<b>3.001.911.496</b>
1.	Quyền sử dụng đất	3.063.175.000	61.263.504	3.001.911.496
2.	Phần mềm kế toán	48.082.069	48.082.069	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>88.988.596.035</b>	<b>43.583.110.322</b>	<b>45.405.485.713</b>

*Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2010 của SLS***GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2011***Đơn vị: đồng*

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>I.</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>118.149.950.454</b>	<b>56.490.632.246</b>	<b>61.659.318.208</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	49.722.118.238	18.078.927.869	31.643.190.369
2	Máy móc thiết bị	65.232.693.262	36.784.811.225	28.447.882.037
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.167.413.309	1.048.998.432	1.118.414.877
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.027.725.645	577.894.720	449.830.925
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.111.257.069</b>	<b>109.345.573</b>	<b>3.001.911.496</b>
1.	Quyền sử dụng đất	3.063.175.000	61.263.504	3.001.911.496
2.	Phần mềm kế toán	48.082.069	48.082.069	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>121.261.207.523</b>	<b>56.599.977.819</b>	<b>64.661.229.704</b>

*Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2011 của SLS*



## GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI THỜI ĐIỂM 30/6/2012

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>I.</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>135.259.767.316</b>	<b>82.215.950.884</b>	<b>53.043.816.432</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	52.748.589.024	28.619.048.025	24.129.540.999
2	Máy móc thiết bị	78.752.681.162	51.385.973.690	27.366.707.472
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.167.413.309	1.367.509.257	799.904.052
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.591.083.821	843.419.912	747.663.909
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.111.257.069</b>	<b>109.345.573</b>	<b>3.001.911.496</b>
1.	Quyền sử dụng đất	3.063.175.000	61.263.504	3.001.911.496
2.	Phần mềm kế toán	48.082.069	48.082.069	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>138.371.024.385</b>	<b>82.325.296.457</b>	<b>56.045.727.928</b>

Nguồn: BCTC 6 tháng năm 2012 của SLS

## 13.2. Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng

Thực trạng về đất đai của Công ty được thể hiện trong bảng kê dưới đây

## DANH SÁCH ĐẤT THUÊ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ NHÀ CỦA CÔNG TY ĐANG SỬ DỤNG

Địa điểm thuê đất (Theo vị trí)	Số QĐ	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Địa chỉ thuê đất	Diện tích đất thuê (m <sup>2</sup> )	Thời gian thuê (năm)
<b>1/ Nhà máy đường</b>	<b>3228</b>	<b>22/12/1999</b>	<b>Mu kít - Cò Nòi - Mai Sơn - Sơn La (*)</b>	<b>104.271</b>	<b>50</b>
Vị trí 1				3.420	
Vị trí 2				3.420	
Vị trí 3				3.420	
Vị trí 4				3.420	
Vị trí 5				90.591	
<b>2/ PX vi sinh</b>	<b>2949</b>	<b>22/10/2002</b>	<b>Mu kít - Cò Nòi - Mai Sơn - Sơn La</b>	<b>22.019</b>	<b>20</b>
Vị trí 5				22.019	
<b>3/ Trạm tăng áp 1</b>	<b>1477</b>	<b>19/09/1996</b>	<b>Mu kít - Cò Nòi - Mai Sơn - Sơn La</b>	<b>255</b>	<b>50</b>
Vị trí 1				255	
<b>4/ Trạm tăng áp 2</b>	<b>1477</b>	<b>19/09/1996</b>	<b>Mu kít - Cò Nòi - Mai Sơn - Sơn La</b>	<b>378</b>	<b>50</b>
Vị trí 1				378	

Nguồn: SLS

(\*) Nay là Km 34, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

**14. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM TIẾP THEO**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	% +/- so với năm 2011	Giá trị	% +/- so với năm 2012
1. Vốn điều lệ (VND)	68.000.000.000	36,00%	68.000.000.000	-
2. Doanh thu (VND)	508.975.000.000	48,26%	500.200.000.000	-1,72%
3. Lợi nhuận sau thuế (VND)	29.342.000.000	79,15%	59.400.000.000	102,44%
4. Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	5,76%	-3,68%	11,87%	6,11%
5. Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	43,15%	-26,25%	87,35%	44,20%
6. Cổ tức (%)	Tối thiểu 20%	-	Tối thiểu 20%	-

Nguồn: SLS

***Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức nói trên:***

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên được Công ty xây dựng dựa trên việc nhận định, phân tích tình hình nhu cầu của thị trường đối với các sản phẩm của Công ty trong năm 2012 cũng như xét đến yếu tố sức mạnh nội tại của doanh nghiệp.

- Căn cứ vào nhu cầu về đường của thị trường và năng lực sản xuất của các nhà máy đường trong nước cho thấy nhu cầu của xã hội ngày càng cao trong khi đó sản lượng đường cung ứng cho thị trường của các nhà máy đường trong nước đều hạn chế do thiếu nguyên liệu sản xuất. Do vậy sản phẩm sản xuất ra đều đảm bảo được tiêu thụ hết.
- Theo phân tích đánh giá của các chuyên gia, giá mía đường sẽ còn giữ ở mức cao và ổn định trong giai đoạn 2011-2012 do nhu cầu tiêu dùng đường và các sản phẩm chế biến từ đường tăng cao theo sự gia tăng dân số trên thế giới, đây là một yếu tố thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành.
- Công ty áp dụng chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu linh hoạt nên nhiều khả năng gia tăng sản lượng mía nguyên liệu phục vụ cho công tác sản xuất.
- Tỷ lệ thu hồi mía đường của Công ty có xu hướng ngày càng giảm, làm tăng sản lượng đường thành phẩm.
- 6 tháng đầu năm 2012, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt tương ứng 497,9 tỷ đồng và 60,1 tỷ đồng, hoàn thành tương ứng 97,84% và 204,9% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. Dự kiến doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2012 của Công ty đạt được tương ứng là 544,9 tỷ đồng và 62,2 tỷ đồng, hoàn thành tương ứng 107,07% và 212,28% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra cho năm 2012.



**Để thực hiện mục tiêu kinh doanh năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng các giải pháp như sau:**

- a. Tập trung đầu tư xây dựng vững chắc vùng mía nguyên liệu đáp ứng đủ cho sản xuất đường
  - Tiếp tục đầu tư thay thế các bộ giống mía mới cho năng suất cao và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của Sơn La (phần đầu chậm nhất trong năm 2012 100% diện tích mía được thay thế bằng giống mía mới); chú trọng vào công tác chăm sóc mía và áp dụng khoa học công nghệ trong thâm canh, trồng trọt,...phần đầu và bảo đảm duy trì diện tích mía đạt từ 4.000 – 4.500 ha mía cho năm 2012 – 2013; trong đó diện tích đã trồng bằng giống mía mới đạt trên 70%, tập trung vào những vùng có khả năng thâm canh cao với mục tiêu tổng sản lượng mía cho niên vụ 2012-2013 đạt sản lượng 270.000 – 290.000 tấn, chữ đường bình quân > 10CCS.
  - Tiếp tục triển khai việc rà soát, đo vẽ và thiết lập bản đồ quy hoạch tổng thể vùng nguyên liệu, tạo tiền đề cho việc áp dụng khoa học công nghệ trong các khâu canh tác, thu hoạch và quản lý mía.
- b. Tập trung đầu tư để nâng cao năng lực và mở rộng quy mô sản xuất chế biến của Nhà máy đường gắn liền với nâng cao chất lượng sản phẩm đường, đảm bảo vệ sinh môi trường, tăng hiệu suất thu hồi toàn dây chuyên.
- c. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp theo hướng tiên tiến. Ưu tiên công tác đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực mạnh về số lượng, chất lượng công nhân lành nghề có đủ trình độ vận hành, khai thác công suất dây chuyền thiết bị, đảm bảo tính kế thừa, xây dựng đội ngũ kế cận cho giai đoạn 2012-2017.
- d. Tiếp tục tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, giám sát và ngăn ngừa xử lý những rủi ro trong quá trình hoạt động. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý, đổi mới cơ chế, chính sách tiền lương, thưởng gắn liền với quyền lợi, kết quả công việc và mang tính cạnh tranh cao.
- e. Rà soát, xây dựng lại định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nhiên vật liệu, vật tư; tiết kiệm chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả cho Công ty; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; tập trung sản xuất kinh doanh mía đường là chính.

**15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC**

Với tư cách của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La, cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Công ty Mía đường Sơn La ổn định và có tiềm năng phát triển.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La qua các năm 2009 - 2011; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về các sản phẩm của Công ty trong giai đoạn tới, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp trên, nếu





không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đặt ra trong những năm tới là khả thi. Do đó, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2012 có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY**

Không có.

**17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN**

Không có.

**V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

**1. LOẠI CHỨNG KHOÁN**

Cổ phiếu phổ thông

**2. MÃ CHỨNG KHOÁN**

SLS

**3. MỆNH GIÁ**

10.000 đồng/cổ phiếu

**4. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

6.800.000 cổ phiếu

**5. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOẶC CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**Tổng số cổ phần HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, KTT bị hạn chế chuyển nhượng là: 5.140.074 cổ phần (Năm triệu một bốn mươi nghìn không trăm bảy mươi tư cổ phần).**

Quy định hạn chế chuyển nhượng theo Khoản 1.đ, Điều 8, Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ. Như vậy số cổ phiếu mà các thành viên nêu trên sở hữu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng. Số lượng cụ thể và thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:



Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần	Hạn chế chuyển nhượng trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Hạn chế chuyển nhượng trong 06 tháng tiếp theo
<b>Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp</b>		<b>3.227.400</b>	<b>3.227.400</b>	<b>1.613.700</b>
<i>Đại diện:</i>				
Phạm Ngọc Thao	Chủ tịch HĐQT			
Nguyễn Anh Tú	Ủy viên HĐQT			
<b>Số cổ phần sở hữu cá nhân</b>		<b>1.912.674</b>	<b>1.912.674</b>	<b>956.337</b>
Phạm Ngọc Thao	Chủ tịch HĐQT	5.440	5.440	2.720
Trần Văn Thành	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	14.642	14.642	7.321
Nguyễn Anh Tú	Ủy viên HĐQT	4.080	4.080	2.040
Trần Thị Thái	Ủy viên HĐQT	1.865.320	1.865.320	932.660
Đình Hữu Trung	Trưởng Ban kiểm soát	2.720	2.720	1.360
Đào Viết Tuấn Dũng	Ủy viên Ban Kiểm soát	680	680	340
Nguyễn Văn Sở	Phó Tổng giám đốc	3.624	3.624	1.812
Lê Quang Nhựt	Phó Tổng giám đốc	11.000	11.000	5.500
Đặng Xuân Phúc	Phó Tổng giám đốc	952	952	476
Nguyễn Văn Dịch	Kế toán trưởng	4.216	4.216	2.108
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.140.074</b>	<b>5.140.074</b>	<b>2.570.037</b>

## 6. XẾP HẠNG TÍN NHIỆM

Không có.

## 7. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

### 7.1 Giá trị sổ sách SLS

❖ Giá trị sổ sách của SLS tại ngày 30/6/2012:

Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/6/2012 : 162.539.050.828 đồng

Số lượng cổ phần tại ngày 30/6/2012 : 6.800.000 cổ phần

Giá trị sổ sách (B) : 23.900 đồng/cổ phần

❖ Giá trị sổ sách SLS tại ngày 31/12/2011:

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2011 : 99.619.966.977 đồng

Số lượng cổ phần tại ngày 31/12/2011 : 5.000.000 cổ phần

Giá trị sổ sách (B) : 19.924 đồng/cổ phần

**7.2 Phương pháp tính giá cổ phiếu SLS****7.2.1 Tính giá theo phương pháp P/B**

❖ Chỉ số P/B của một số công ty cùng ngành nghề:

STT	Mã chứng khoán	Tên công ty	Giá tại ngày 31/08/2012 (đ/cp)	BV tại 31/12/2011 (đ/cp)	P/B
1	SEC	Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai	20.400	12.412	1,64
2	BHS	Công ty CP Đường Biên Hoà	16.800	18.285	0,92
3	KTS	Công ty CP Mía đường Kontum	37.300	28.298	1,32
4	LSS	Công ty CP Mía đường Lam Sơn	18.300	27.609	0,66
5	NHS	Công ty CP Đường Ninh Hoà	26.000	33.603	0,77
6	SBT	Công ty CP Bourbon Tây Ninh	15.100	12.642	1,19
<b>P/B bình quân</b>					<b>1,08</b>

❖ Giá trị cổ phần của SLS theo phương pháp P/B = B (tại thời điểm 31/12/2011) x P/B bình quân = 21.518 đồng/cổ phần

**7.2.2 Tính giá theo phương pháp P/E**

❖ EPS của SLS năm 2011:

Lợi nhuận sau thuế năm 2011	:	34.712.597.928 đồng
Số lượng cổ phần tại ngày 31/12/2011	:	5.000.000 cổ phần
EPS	:	6.943 đồng/cổ phần

❖ Chỉ số P/E của một số công ty cùng ngành nghề:

STT	Mã chứng khoán	Tên công ty	Giá tại ngày 31/08/2012 (đ/cp)	EPS 2011 (đ/cp)	P/E
1	SEC	Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai	20.400	6.252	3,26
2	BHS	Công ty CP Đường Biên Hoà	16.800	4.908	3,42
3	KTS	Công ty CP Mía đường Kontum	37.300	17.151	2,17
4	LSS	Công ty CP Mía đường Lam Sơn	18.300	9.108	2,01
5	NHS	Công ty CP Đường Ninh Hoà	26.000	9.927	2,62
6	SBT	Công ty CP Bourbon Tây Ninh	15.100	4.027	3,75
<b>P/E bình quân</b>					<b>2,87</b>

❖ Giá trị cổ phần của SLS theo phương pháp P/E = EPS x P/E = 19.926 đồng/cổ phần



### 7.3 Tổng hợp kết quả tính giá cổ phiếu

STT	Phương pháp định giá	Giá trị cổ phần	Tỷ trọng
1	P/E	19.926	50%
2	P/B	21.518	50%
Giá bình quân (đồng/cổ phần)			20.722

### 7.4 Giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên

Căn cứ phương pháp tính giá trên, chúng tôi đề xuất mức giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 20.700 đồng/cổ phần

Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La có thể được thay đổi để phù hợp với thị trường chứng khoán tại thời điểm niêm yết.

## 8. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẪM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Sau khi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo các quy định hiện hành của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán, cụ thể là Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo đó, tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Hiện tại tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài là 0%.

## 9. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

### Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Kể từ ngày 01/01/2009, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mới là 25% theo quy định Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 3, số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008.

Công ty được chậm nộp thuế TNDN theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2009/TT-BTC ngày 22/1/2009 hướng dẫn thực hiện gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 đối với doanh nghiệp kinh doanh một số ngành nghề và Công văn số 7250/BTC-TCT ngày 07/6/2009 của Bộ Tài chính về một số nội dung cần lưu ý khi quyết toán thuế TNDN năm 2009.

Năm 2010, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 25% và không được hưởng ưu đãi về thời gian nộp thuế.

Năm 2011, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều 1, khoản 2 thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập phải nộp năm 2011 vì là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia



công, chế biến với tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm là trên 300 người, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng.

Năm 2012, Công ty được gia hạn nộp thuế TNDN năm 2011 và thuế GTGT năm 2012 theo hướng dẫn tại thông tư số 83/2012/TT-BTC ngày 23/5/2012 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện việc miễn, giảm, gia hạn một số khoản thu Ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường. Ngoài ra Công ty cũng được hưởng ưu đãi giảm 30% thuế TNDN trong năm 2012 theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21/6/2012.

**Các loại thuế khác:**

Ngoài thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty phải nộp các loại thuế khác liên quan theo quy định của các luật thuế hiện hành như: Thuế GTGT; Thuế thu nhập cá nhân; Thuế tài nguyên; Thuế nhà đất và tiền thuê đất và các loại thuế khác.



**VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT****1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Biến cơ hội thành giá trị

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: tầng 1&amp;3 toà nhà Trung Tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3818 1888 Fax: (04) 3818 1688

Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)**Chi nhánh TP, Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3915 1368 Fax: (08) 3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3525777 Fax: (0511) 3525779

**2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 17, lô 2C, Khu đô thị Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3783 2121 Fax: (04) 3783 2122

Website: [www.cpavietnam.vn](http://www.cpavietnam.vn)**VII, PHỤ LỤC**

- 1. PHỤ LỤC I : GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH**
- 2. PHỤ LỤC II : NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**
- 3. PHỤ LỤC III : SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG**
- 4. PHỤ LỤC IV : HỢP ĐỒNG NIÊM YẾT**
- 5. PHỤ LỤC V : BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2010, 2011, BCTC 6 THÁNG/2012**
- 6. PHỤ LỤC VI : ĐIỀU LỆ CÔNG TY**
- 7. PHỤ LỤC VII : CÁC TÀI LIỆU KHÁC**



Sơn La, ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRI**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHẠM NGỌC THAO**

**TRẦN VĂN THÀNH**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**ĐINH HỮU TRUNG**

**NGUYỄN VĂN DỊCH**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**